

DANH MỤC VẬT TƯ THANH LÝ

(Theo Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 02/2025/TCĐG/NSQN-BTN ngày 02/12/2025)

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Máy bơm Pumpmam 2TCP 25/160A Thu hồi	cái	1,00	
2	Máy bơm Swirlsp =0.75kw, Q=36m3/h, H=17m TH	cái	1,00	
3	Máy bơm nước Swirlsp TH	cái	1,00	
4	Máy bơm trục đứng - Trạm bơm I (Thu hồi)	Cái	2,00	
5	Bích thép	Cái	1,00	
6	Côn thép D125x65 BB	Cái	8,00	
7	Côn thép D125x80BB	Cái	10,00	
8	Tê hàn đen D65	Cái	2,00	
9	Tê thép BBB D150 x 65	Cái	11,00	
10	Tê thép D100-50 UUU	Cái	5,00	
11	Tê thép D100x65	Cái	7,00	
12	Tê thép D150 x 80 UBU	Cái	2,00	
13	Tê thép D150x80	cái	15,00	
14	Thép U150 VN	Cây	1,25	
15	Tủ điện 350x250x150 VN (Bãi Cháy)	Cái	4,00	

fame

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
16	Cây đo dò rỉ đường ống cấp nước	cây	1,00	
17	Cút côn thép BB D125x80 VN	Cái	1,00	
18	Cút thép BB 90 độ D125 VN	cái	3,00	
19	Cút thép D800 x 11,25 độ	Cái	2,00	
20	Cút thép D800 x 22,5 độ	Cái	3,00	
21	Thiết bị trộn tĩnh D150 (Gia công tại Xưởng cơ khí)	Cái	1,00	
22	Động cơ 3 pha 380V 55KW (VN)	Cái	1,00	
23	ống nối ổn định dòng chảy D200	Cái	3,00	
24	ống nối ổn định dòng chảy DN65 (BBthép,L=0.4) VN	đoạn	1,00	
25	Gu giông, 2 ecu, 2 long đen M22x650(VN)	Bộ	4,00	
26	Thép tấm dày 5mm	kg	3,14	
27	Vòng bi 6207 2Z C3 Pháp	vòng	4,00	
28	Vòng bi 6304 2Z SKF	vòng	3,00	
29	Vòng bi 6307 SKF Pháp	vòng	1,00	
30	Vòng bi 6312 C3 SKF	vòng	1,00	
31	Máy mài lỗ cầm tay Matek 450W	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
32	Adapter thép DN500 - Thu hồi	Cái	1,00	
33	Bích thép lồng D600 PN10 - Thu hồi	Cái	1,00	
34	Bích thép lồng D630 - Thu hồi	Cái	1,00	
35	Bích thép rỗng D100- Thu hồi	Cái	1,00	
36	Bích thép rỗng D150 - TH	Cái	1,00	
37	Bích thép rỗng D150 - Thu hồi	Cái	1,00	
38	Bích thép rỗng D500 - Thu hồi	Cái	1,00	
39	Bích thép rỗng D600 - Thu hồi	Cái	1,00	
40	Bích thép rỗng D600 PN16 - Thu hồi	Cái	1,00	
41	Bích thép rỗng D80- TH	cái	1,00	
42	Bích thép rỗng D900 - Thu hồi	Cái	2,00	
43	Bích thép đặc D400 (TH)	Cái	1,00	
44	Côn thép BB D150x100 - TH	Cái	1,00	
45	Côn thép BB D200x150 - TH	Cái	1,00	
46	Côn thép BB D250x200 - Thu hồi	Cái	1,00	
47	Côn thép BB D300x250 (Thu Hồi)	Cái	2,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
48	Côn thép BB D400x300 (Thu hồi)	Cái	1,00	
49	Côn thép UB D300x250 - Thu hồi	Cái	1,00	
50	Cút thép BB D250x90 độ - TH	cái	2,00	
51	Cút thép BB D280 - Thu hồi	Cái	1,00	
52	Cút thép D100- 90độ BB - TH	cái	1,00	
53	Măng sông thép D600 - Thu hồi	Cái	1,00	
54	Tê thép BBB D250x150- Thu hồi	Cái	1,00	
55	Tê thép BBB D250x200 - TH	Cái	1,00	
56	Tê thép BBB D600x600	Cái	1,00	
57	Tê thép BBB DN150x150 - Thu hồi	Cái	1,00	
58	Tê thép BUB D600x300 L=0.75m gia công - Thu hồi	Cái	1,00	
59	Tê thép UU D200 - TH	Cái	1,00	
60	Tủ điều khiển KT 800x600x400mm -Thu hồi	Cái	1,00	
61	ống chảy rôi D150 (TH)	m	0,30	
62	ống thép đoạn BU D300 L=0.5 thu hồi	Đoạn	1,00	
63	ống thép đoạn BU D300 L=0.6m - Thu hồi	Đoạn	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
64	ống đoạn thép BB D500 L=0.42m - Thu hồi	Đoạn	1,00	
65	Cánh cửa thép (2.5mx1.3m) Thu hồi	Cánh	2,00	
66	Cột thép hộp 100x100x5 - TH	Cột	7,00	
67	Tôn thép (1mx8m) Thu hồi	tấm	78,00	
68	Tủ công tơ điện KT 1200x700x500mm - Thu hồi	Cái	1,00	
69	Tủ điện điều khiển KT 800x600 - Thu hồi	Cái	1,00	
70	Cút thép UU D200x 90 độ (Thu hồi)	Cái	1,00	
71	Bích thép D400 - Thu hồi	cái	2,00	
72	Bích thép D250 -Thu hồi	Cái	1,00	
73	ống thép D400 TH liền 01 cút 45độ	m	2,85	
74	ống thép D400 TH liền 01 cút 400-90 độ TH	m	2,76	
75	Bích thép rỗng D560 (TH)	Cái	1,00	
76	Đoạn ống thép BU D250 - Thu hồi	m	0,30	
77	Cút thép DN400x90 độ - Thu hồi	Cái	1,00	
78	Cặp thép D90 bu lông inox	cái	10,00	
79	ống thép đen chịu áp lực 245x12-14	m	2,19	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
80	Bu thép D200 TH	m	1,49	
81	Đoạn ống chảy rối D125 BB L=0.2m TH	đoạn	1,00	
82	Đoạn ống chảy rối gồm MB D80 - Thu hồi	Cái	1,00	
83	Đoạn ống thép D150,L=1,5m+01 bích thép rỗng D150 (nối liền)	đoạn	1,00	
84	Đoạn ống thép D150,L=1,85m+02 chếch hàn D150+01 bích thép rỗng D150 (nối liền)	đoạn	1,00	
85	ống thép D150 liền 2 cắt chếch D150,1 bích D150 TH	m	2,00	
86	ống thép đen D125 - TH	m	0,37	
87	Vòng bi 6210 (thu hồi)	vòng	2,00	
88	Vòng bi 6212ZZC3 (Thu hồi)	cái	2,00	
89	Vòng bi 6305 ZZ C3 (thu hồi)	cái	2,00	
90	Vòng bi 6308 - 2Z/C3 SKF- Thu hồi	Vòng	2,00	
91	Đoạn ống chảy rối BB D150 L=0,55m	đoạn	1,00	
92	Lọc cặn D250 - Thu hồi	Cái	1,00	
93	Côn thép BU D250x100 TH	cái	1,00	
94	Côn thép BB D150/125 (thu hồi)	Cái	2,00	
95	ống thép BU D150 L=0,45m	đoạn	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
96	Đồng hồ điện từ D250 Endress+ Hauser -TH	cái	1,00	
97	Đồng hồ Tủ điện KT 70x66x200D250 (thu hồi)	cái	1,00	
98	Tủ điện KT 70x66x200	cái	4,00	
99	ống nối ổn định dòng chảy D65	Cái	1,00	
100	ống ổn định dòng chảy DN50	Bộ	1,00	
101	ống thép đen chịu AL D350	m	0,28	
102	ống thép đen đúc D125 (141,3 x 7,14) SNG	m	1,50	
103	Tê thép UBU D150 x 80	Cái	1,00	
104	Cút thép D80x90 độ BB	Cái	1,00	
105	Côn thép lệch BB D150x65	Cái	1,00	
106	Bích thép rỗng D40 dày 10mm	Cái	5,00	
107	Bu lông M20 x L150 VN	Bộ	2,00	
108	Đồng hồ áp lực 0-10 bar (thu hồi)	Cái	1,00	
109	ống thép D500 Thu hồi	m	0,90	
110	ống thép mạ kẽm D50 (TH)	m	1,00	
111	Đồng hồ đo áp lực 0-5 bar (Thu hồi)	Cái	4,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
112	Sàn xe (TH)	tám	1,00	
113	Nắp thùng sau (TH)	cái	1,00	
114	Vòng bi 6307 (thu hồi)	vòng	4,00	
115	Vòng bi 6309 - TH	vòng	4,00	
116	Vòng bi 6314 (Thu hồi)	vòng	4,00	
117	Vòng bi 6312 - TH	Vòng	4,00	
118	Vòng bi 6313 - thu hồi	vòng	2,00	
119	Vòng bi 6317-TH	vòng	4,00	
120	Vòng bi 6311 (TH-Hông)	Vòng	4,00	
121	Côn Thép BB D100x80- TH	Cái	1,00	
122	Bu lông M12x70 ngoại	Cái	2,00	
123	Thép đặc 14x14	Kg	0,70	
124	Thép trơn CT3 D8	Kg	0,72	
125	Bản mã 50x50x5mm	Kg	0,01	
126	ống thép mạ kẽm D40x3.2	m	0,30	
127	Thép tấm D520 dày 5 ly	Kg	0,17	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
128	Thép tròn CT3 phi 6 - phi 8	kg	0,30	
129	Thép tròn D8	Kg	0,93	
130	Hộp đồng hồ sắt D15 (TH)	Cái	1,00	
131	Đồng hồ D80- PoWoGaz (SDH: NR8108)- Thu hồi	Cái	1,00	
132	Đồng hồ đo áp lực 0-5 bar (Thu hồi)	Cái	6,00	
133	Vỏ tủ điện ngoài trời 400x300x200 VN - TH	Cái	1,00	
134	Đồng hồ áp lực 0-5 bar (Hồng, Thu hồi)	Cái	2,00	
135	Đồng hồ đo áp lực ngâm dầu dải đo (0- 10bar) TQ	Cái	1,00	
136	Đồng hồ Itron DN125 số ĐH: I17MJ 102894Q (TH-Hồng)	cái	1,00	
137	Cầu dao đảo chiều 100 A (TH)	Cái	1,00	
138	Vòng bi 6313 2ZC3 (TH - Hồng)	Vòng	2,00	
139	Vòng bi 6213 2ZC3 (Hồng - TH)	Vòng	2,00	
140	Vòng bi 6211 2ZC3 (Hồng - TH)	Vòng	2,00	
141	Vòng bi SKF 6213-2Z - Thu hồi	Cái	1,00	
142	Vòng bi SKF 6211-2Z - Thu hồi	Cái	1,00	
143	Vòng bi SKF 6410/C3 - Thu hồi	Cái	2,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
144	Vòng bi SKF 3307 ATN9/C3 - Thu hồi	Cái	1,00	
145	Vòng bi SKF 6305-2ZC3 (Thu hồi)	Cái	1,00	
146	Vòng bi SKF 6313/C3 - Thu hồi	Cái	2,00	
147	Máy đục bê tông Makita HM 0810 TA LD Trung Quốc (TH)	Cái	1,00	
148	Máy cắt cỏ HONDA GX35 P=1000w, N=7000v/p - Thái Lan (TH)	Cái	1,00	
149	Máy đục bê tông Makita HM0810-LD Nhật (TH)	Cái	1,00	
150	Máy cắt cầm tay Makita 570 - Nhật (Thu hồi)	Cái	1,00	
151	Máy hàn ống PPR- SD (Thu hồi)	Cái	1,00	
152	Máy hàn cầm tay D75-110 HDPE - VN (Thu hồi)	Cái	1,00	
153	Máy đục bê tông Makita 1306 - Thu hồi	Cái	1,00	
154	Bu lông M16 L150 - Thu hồi	Cái	8,00	
155	Máy phát điện 1 pha, công suất định mức 5.5/6.4 KVA HG7500 - TH	Cái	1,00	
156	Bu lông ê cu M4x20	Cái	20,00	
157	Bu lông ê cu M6x30	Cái	8,00	
158	Bu lông ê cu M8x20	Cái	20,00	
159	Côn mạ 26x20	Cái	2,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
160	Côn mạ kẽm D25x15 VN	Cái	16,00	
161	Côn thép hàn D600-500 VN	Cái	1,00	
162	Cút mạ kẽm D65x90 độ	Cái	1,00	
163	Lơ mạ kẽm D80x20	Cái	1,00	
164	Lơ MK D65-32	cái	2,00	
165	Lơ MK D65x40	cái	3,00	
166	Măng sông nối nhanh thép D180 (EE180- lắp ống HDPE D180)	Bộ	2,00	
167	ống thép mạ kẽm D150 dày 7mm TQ	m	0,15	
168	Tê mạ kẽm D26x20	Cái	3,00	
169	Tê mạ kẽm D32x20	Cái	6,00	
170	Tê mạ kẽm D33	Cái	1,00	
171	Tê mạ kẽm D42	Cái	4,00	
172	Case máy tính BPHC(Thu hồi)	Cái	1,00	
173	Case máy tính BPKD(Thu hồi)	Cái	4,00	
174	Cút kẽm D50 - Thu hồi	Cái	1,00	
175	Rắc co mạ kẽm D50 - Thu hồi	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
176	Trục bơm (thu hồi)	Cái	1,00	
177	Kép kềm DN50 - Thu hồi	Cái	2,00	
178	Rơ le áp lực Khí nén (TH)	Cái	1,00	
179	Vòng bi 6212 (thu hồi)	vòng	1,00	
180	Vòng bi 6212ZZC3 (Thu hồi)	cái	1,00	
181	Vòng bi 6213 - TH	vòng	2,00	
182	Vòng bi 6307 (thu hồi)	vòng	2,00	
183	Vòng bi 6308 - TH	vòng	1,00	
184	Vòng bi 6308C3 - thu hồi	vòng	2,00	
185	Vòng bi 6310 (thu hồi)	vòng	1,00	
186	Vòng bi 6311 (TH-Hồng)	Vòng	2,00	
187	Vòng bi 6314 (Thu hồi)	vòng	1,00	
188	Vòng bi 6317-TH	vòng	2,00	
189	Vòng bi 6410 - TH	vòng	2,00	
190	Vòng bi NF 308 - thu hồi	vòng	1,00	
191	Vòng bi NF 310 - Thu hồi	vòng	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
192	Vòng bi NU 316 TH	vòng	1,00	
193	Vòng bi SKF 6314 - Thu hồi	vòng	2,00	
194	Vòng bi mã 7315 TH	Vòng	2,00	
195	Máy hàn điện tử(TH)	Cái	1,00	
196	Máy khoan bắt vít TH	cái	1,00	
197	Máy phát điện 1 pha HK 200E	Cái	1,00	
198	Máy đục bê tông FEG 580 Thu hồi	cái	1,00	
199	Máy đục bê tông Makita 1306 - Thu hồi	Cái	1,00	
200	Máy đục bê tông Makita HM 0810 (Thu hồi)	Cái	1,00	
201	Bơm khuấy muối TH	cái	1,00	
202	Cút thép BB D250x90 độ - TH	cái	2,00	
203	Bích Thép Rỗng D400 (Thu hồi)	Cái	2,00	
204	Côn thép BB D400x300 (Thu hồi)	Cái	2,00	
205	Đoạn ống thép UB D250; L=0.3m	Đoạn	1,00	
206	Máy rút nắp và rửa bình 5 gallon	Cái	1,00	
207	Đoạn ống thép BB D250; L=0.15m	Đoạn	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
208	Bơm muối TH	cái	1,00	
209	Bơm nước javen TH	cái	1,00	
210	Tủ điều khiển Javen TH	cái	1,00	
211	Bộ điện phân điều chế Javen CS 500g/h Thu hồi	bộ	1,00	
212	Côn MK D75-40	Cái	2,00	
213	Côn Thép MK 66x50	Cái	8,00	
214	Côn mạ kẽm D32x25	Cái	25,00	
215	Côn mạ kẽm D65x32	Cái	3,00	
216	Côn mạ kẽm D65x50	Cái	1,00	
217	Cút mạ kẽm D26	Cái	1,00	
218	Cút mạ kẽm D65	Cái	1,00	
219	Cút mạ kẽm D80	Cái	1,00	
220	ống nối ổn định dòng chảy BB D125,L500	Cái	1,00	
221	Bích khớp nối D230/60mm	Cái	1,00	
222	Côn thép D150 x 65	Cái	1,00	
223	Côn thép UU D50x25 VN	cái	1,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
224	Côn thép UU D80-65	Cái	1,00	
225	Kép mạ kẽm D65	cái	1,00	
226	Lơ mạ kẽm 65x20	Cái	5,00	
227	Lơ mạ kẽm D50x32	Cái	1,00	
228	Tê thép D100 x 80	Cái	1,00	
229	Tê thép D150 x 80 UBU	Cái	1,00	
230	Vòng bi 6207 Nhật	vòng	12,00	
231	ống thép đen D75,6 dày 1,4mm	m	0,20	
232	Bích thép D250 -Thu hồi	Cái	1,00	
233	Bích thép đặc D250 - TH	Cái	1,00	
234	Cút thép UU D600 - TH	cái	1,00	
235	Lọc rác D150 TH	cái	1,00	
236	Lọc rác D80 (TH)	Cái	1,00	
237	Trục khớp nối TH (TA tài chính)	cái	1,00	
238	Tê BB D150-100 (TH)	cái	1,00	
239	Tê BBB D200x100 (TH)	cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
240	ống đoản BB D65 TH	cái	1,00	
241	Vòng bi 6214 - TH	vòng	2,00	
242	Vòng bi 6212 (thu hồi)	vòng	2,00	
243	Vòng bi 6307 (thu hồi)	vòng	1,00	
244	Vòng bi 2312 Thu hồi	Vòng	6,00	
245	Bích rỗng D200 gắn 0,2m ống thép D200 TH	Cái	1,00	
246	Bích thép rỗng D100 - TH	Cái	1,00	
247	Bích thép rỗng D150 - TH	Cái	3,00	
248	Côn BB D200-150 (TH)	cái	1,00	
249	Côn UU D100x65 - TH	Cái	2,00	
250	Côn thép BB 300-250 TH	cái	2,00	
251	Cút thép BBx45 độ D400 (TH)	Cái	1,00	
252	Cút thép UU D100 - TH	Cái	2,00	
253	Lọc rác D200 AMG (TH)	cái	1,00	
254	Lọc rác D200 TH	cái	1,00	
255	Tê thép D300x150 - TH	cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
256	Ống thép mạ kẽm D80 TH (4 đoạn)	m	15,00	
257	Đoạn ống thép 0,65mét D200 gắn liền cút thép D200 TH	đoạn	1,00	
258	Đoạn ống thép 1,2mét D200 gắn liền 01 Adapter D200 TH	đoạn	1,00	
259	Đồng hồ D100 (Thu hồi) - Đức	Cái	1,00	
260	Đồng hồ D125 - 16MJ0863621 Indo (TH)	Cái	1,00	
261	Đồng hồ D150 -TH	Cái	1,00	
262	Đồng hồ D200 TH	cái	2,00	
263	Đồng hồ D80 TQ -TH (thu từ tuyến HG24 Yết Kiêu)	cái	1,00	
264	ống thép D400 bọc nhựa (TH)	m	7,90	
265	ống đoạn BB D200 (TH)	đoạn	1,00	
266	ống đoạn BB D250 TH	Cái	1,00	
267	ống đoạn BB125 (TH)	m	1,00	
268	Cầu dao cách ly 22KV TH	bộ	1,00	
269	Lọc rác D125 (TH)	Cái	1,00	
270	Lọc rác D200 gắn cùng côn BB D200-150 (TH)	bộ	1,00	
271	Tủ cầu dao hạ thế TH	Tủ	2,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
272	Tủ hạ thế tổng (thu hồi)	Tủ	2,00	
273	Tủ điện 300x400x180 TH	Cái	1,00	
274	Tủ điện KT 1000x700x300mm	cái	1,00	
275	Vỏ tủ cầu dao hạ thế TH	cái	1,00	
276	Vỏ tủ điện hạ thế (thu hồi)	cái	1,00	
277	Vỏ tủ điện ngoài trời 800x600x400 VN -TH	cái	1,00	
278	Tê lọc cặn D100	Cái	1,00	
279	Măng sông ren trong mạ kẽm D50-TH	cái	10,00	
280	ống thép D150 (Thu hồi)	m	2,85	
281	Bích thép rỗng D150 - TH	Cái	1,00	
282	Cút thép D150x45 độ - Thu hồi	Cái	4,00	
283	ống đầu đẩy D200 liền bích (Cút hàn + ống + Côn D200) Thu hồi	Cái	0,22	
284	Bích thép rỗng D150 - TH	Cái	1,00	
285	Vòng bi 6220 TH	vòng	1,00	
286	Vòng bi 6308 - 2Z/C3 SKF- Thu hồi	Vòng	2,00	
287	Vòng bi 6310-2Z/C3-TH	vòng	2,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
288	Vòng bi 6311-2Z/C3-TH	vòng	2,00	
289	Vòng bi 6314 (Thu hồi)	vòng	1,00	
290	Vòng bi 6318 2Z C3-TH	vòng	2,00	
291	Vòng bi 6321/C3- TH	Vòng	1,00	
292	Vòng bi NU 316 TH	vòng	1,00	
293	Vòng bi SKF 6316 C3 (TH)	vòng	1,00	
294	Vòng bi SKF 6319/C3-TH	vòng	1,00	
295	Máy hàn tay DN 160 TQ-TH	cái	1,00	
296	ống thép đen đúc D250 (273x 9,27)	m	0,20	
297	Bu lông M20 x L150 VN	Bộ	3,00	
298	Bu lông M8 L100 kèm 2 long đen) VN	Bộ	4,00	
299	Bu lông nở sắt M14 L12	Cái	6,00	
300	Bích thép D300	Cái	1,00	
301	Bầu lọc rác BB D40 - Thu hồi	Cái	1,00	
302	Bích thép rỗng D100 - TH	Cái	4,00	
303	Bích thép rỗng D250- Thu hồi	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
304	Bích thép rỗng D300 TH	Cái	1,00	
305	Bích thép rỗng D65 (Thu hồi)	Cái	4,00	
306	Bích thép đặc D150 - Thu hồi	Cái	1,00	
307	Bích thép đặc D80 - Thu hồi	Cái	1,00	
308	Cút kẽm D40 - Thu hồi	Cái	4,00	
309	Cút thép D100- 90 độ BB - TH	cái	1,00	
310	Măng sông kẽm D50 - Thu hồi	Cái	2,00	
311	Măng sông nối nhanh thép D500 (thu hồi)	Bộ	1,00	
312	kép mạ kẽm D40 (thu hồi)	Cái	8,00	
313	Đoạn ống thép BB D150- Thu hồi	m	0,47	
314	Đồng hồ áp lực 0-10 bar (thu hồi)	Cái	1,00	
315	ống thép D150 (Thu hồi)	m	0,95	
316	ống thép D150 - Thu hồi	m	0,5	
317	ống thép D250 (thu hồi)	m	0,5	
318	ống thép mạ kẽm D150 - Thu hồi	m	1,75	
319	ống thép đoạn BB DN50 - Thu hồi	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
320	ống đoản BB D250 (cắt rời) L=0.4m	Cái	1,00	
321	Bình cứu hỏa MT3 (Hồng - TH)	Cái	2,00	
322	Bình cứu hỏa MT5 (Hồng - TH)	Cái	2,00	
323	Kép kẽm DN50 - Thu hồi	Cái	2,00	
324	Tủ điện 50x30x20cm - Thu hồi	Cái	1,00	
325	Tủ điện 50x35x18cm - Thu hồi	Cái	1,00	
326	Trục bơm 18.5 KW KT dài 51.5cm đường kính 4.8 cm - Thu hồi	Cái	1,00	
327	Vòng bi 6214 - 2Z/C3 SKF - Thu hồi	Vòng	2,00	
328	Vòng bi 6308 - 2Z/C3 SKF- Thu hồi	Vòng	2,00	
329	Vòng bi 6314 -2Z/C3 SKF - Thu hồi	Vòng	2,00	
330	Vòng bi 6410/C3 SKF - Thu hồi	Vòng	2,00	
331	Vòng bi SKF 6206 2Z C3 - Thu hồi	Vòng	1,00	
332	Vòng bi SKF 6306 2Z C3 - Thu hồi	vòng	2,00	
333	Vòng bi SKF 6307 2ZC3 - Thu hồi	Vòng	1,00	
334	Vòng bi SKF 6309/2Z-C3-TH	Vòng	1,00	
335	Vòng bi SKF-C3/6308 - Thu hồi	Vòng	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
336	Vòng bi SKF6205 2Z/C3 - Thu hồi	Vòng	1,00	
337	Bơm chìm MOP 200W - Thu hồi	Cái	1,00	
338	Máy cắt cầm tay D750W - Thu hồi	Cái	1,00	
339	Bích thép D125 - TH	Cái	1,00	
340	Bích thép rỗng D100 - TH	Cái	10,00	
341	Bích thép rỗng D150 - TH	Cái	2	
342	Bích thép rỗng D300 TH	Cái	4,00	
343	Bích thép rỗng D50 - TH	Cái	2,00	
344	Bích thép rỗng DN40 - Thu hồi	Cái	2,00	
345	Bích thép rỗng DN400 - Thu hồi	Cái	2,00	
346	Bích thép đặc DN125 - Thu hồi	Cái	1,00	
347	Bích đặc DN150 đã thổi lỗ- Thu hồi	Cái	2,00	
348	Côn thép UU D300-250 - TH	cái	1,00	
349	Côn thép UU D500x300 - Thu hồi	Cái	1,00	
350	Côn thép UU D500x400 - Thu hồi	Cái	2,00	
351	Côn thép hàn D150x100 - Thu hồi	Cái	1,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
352	Cút thép BB D400x45 - Thu hồi	Cái	1,00	
353	Cút thép DN100x 90độ - Thu hồi	Cái	1,00	
354	Cút thép DN50 - Thu hồi	Cái	3,00	
355	Cút thép UU D300 x 90 độ - Thu hồi	Cái	1,00	
356	Cút thép UU D300/45 độ - TH	Cái	2,00	
357	Cút thép hàn D100x90 độ - TH	Cái	2,00	
358	Cút thép hàn gia công D250 - Thu hồi	Cái	2,00	
359	Máy bơm nước 0.25 KW - Thu hồi	Cái	1,00	
360	Tê lọc cặn D125 - Thu hồi	Cái	1,00	
361	Tê thép UU D500x500 - Thu hồi	Cái	1,00	
362	Tê thép hàn DN150 đều - thu hồi	Cái	2,00	
363	Đoạn ống thép BU DN400 - Thu hồi	m	1,4	
364	ống thép D200 - Thu hồi	m	3,71	
365	ống thép D150 (Thu hồi)	m	1,00	
366	ống thép D300 - thu hồi	m	0,2	
367	ống thép D400 - Thu hồi	m	29,95	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
368	ống thép DN50 - Thu hồi	Cái	2,16	
369	ống thép UB DN150 - Thu hồi	m	3,36	
370	ống thép đen D150 (thu hồi)	m	1,00	
371	ống thép đen D150 - Thu hồi	m	0,84	
372	ống thép đen D250 - Thu hồi	m	0,65	
373	ống thép đoạn BB DN100- thu hồi	m	0,5	
374	Cút thép UU D100- TH	Cái	02	
375	Lưới thép B40 L=1,8m - TH	m	38,00	
376	Sắt D18 - TH	m	11,00	
377	Tủ điện 1 pha - Thu hồi	Cái	1,00	
378	Tủ điện điều khiển bơm KT 1200x800x400mm	Cái	2,00	
379	ống thép D100 - Thu hồi	m	2,40	
380	Máy đục bê tông Hikari (TH)	Cái	1,00	
381	Bánh xe thép	bộ	2,00	
382	ống thép đen bọc nhựa D150	m	0,80	
383	ống thép đen đúc D150(168x7.11)SNG	m	0,20	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
384	Rọ lọc rác D80 (Thu hồi)	cái	1,00	
385	Vỏ tủ điện hạ thế (thu hồi)	cái	2,00	
386	Sàn thao tác trạm biến áp (Thu hồi)	Bộ	1,00	
387	Tủ điện điều khiển bơm KT 1500x800x400mm (kèm thiết bị) - Thu hồi	cái	1,00	
388	Crepin D200 (Thu hồi)	Cái	1,00	
389	ống thép D150 (Thu hồi)	m	1,50	
390	ống thép D400 - TH	M	0,69	
391	Bích thép rỗng D200 - TH	cái	3,00	
392	ống thép D200 (Thu hồi)	mét	13,00	
393	Cặp thép D200, L=250mm (TH)	cái	1,00	
394	Cặp thép D200, L=350mm (TH)	cái	1,00	
395	Cặp thép D200, L=300mm (TH)	cái	3,00	
396	Côn thép UB D150x65 (TH)	cái	1,00	
397	Cút thép UU D150 x90 (TH)	cái	3,00	
398	Cầu dao cách ly (chém đứng) TH	bộ	1,00	
399	Tủ điện hạ thế 0.4 KV (TH)	tủ	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
400	Mái + tôn quay nhà hóa chất nguy hại hiện trạng (TH)	m2	0,08	
401	Xà gồ thép nhà hóa chất nguy hại (TH)	tấn	0,08	
402	Măng sông mạ kẽm 20	cái	3,00	
403	Bích mạ kẽm + gioăng DN50	Cái	1,00	
404	Bích thép DN 65	Cái	1,00	
405	Bích thép rỗng D40 dày 12mm PN10 VN	Cái	6,00	
406	Tê lọc cạn mặt bích D40 (VN)	Cái	2,00	
407	Vòng bi 6209 Nhật	vòng	1,00	
408	Vòng bi 6211 Nhật	vòng	2,00	
409	Vòng bi SKF 6210 ZZ C3	vòng	1,00	
410	Vòng bi TA 1815	vòng	2,00	
411	Ống thép D20 dày 2.1 ly	m	0,10	
412	Đồng hồ áp lực 0-10 bar (thu hồi)	Cái	1,00	
413	ống thép D200 - Thu hồi	m	0,70	
414	Vòng bi 6211 - TH	vòng	3,00	
415	Vòng bi 6309 - TH	vòng	1,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
416	Vòng bi SKF 6307 2Z/C3 TH	vòng	2,00	
417	Vòng bi 6312 - TH	Vòng	1,00	
418	Vòng Bi 6311 (thu hồi)	vòng	1,00	
419	Bích thép rỗng D100 - TH	Cái	1,00	
420	Bích thép rỗng D150 - TH	Cái	6,00	
421	Cút thép D200x45độ - TH	Cái	2,00	
422	Crepin D200 (Thu hồi)	Cái	1,00	
423	ống thép D200 - Thu hồi	m	3,50	
424	Bích thép rỗng D80 - TH	Cái	1,00	
425	Bích thép đặc D200 (TH)	cái	1,00	
426	Côn thép BB D300/150 (TH)	cái	1,00	
427	Bích thép rỗng D200 - TH	cái	5,00	
428	Cút thép UU D150x90 - Thu hồi	Cái	6,00	
429	Côn D150 - 80 (TH)	Cái	2,00	
430	Adapter thép D150 (TH)	Cái	2,00	
431	Côn thép D150x80 gia công (TH)	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
432	Côn thép D150x100 gia công (TH)	Cái	1,00	
433	Côn thép D250/200 gia công (TH)	Cái	2,00	
434	Adapter thép D200 (TH)	Cái	3,00	
435	Cút thép D250-90 độ (TH)	Cái	1,00	
436	Côn thép gia công D250x150 (TH)	Cái	1,00	
437	Côn thép D200 x100 (TH)	Cái	2,00	
438	Cút thép gia công D200 (TH)	Cái	6,00	
439	Bích thép rỗng D200 (hàn liền ống) - TH	Cái	6,00	
440	ống thép D300 (TH))	Mét	28,00	
441	Ống thép D200 (TH)	Mét	38,00	
442	Hàng rào lưới thép khu XL(TH)	m2	164,25	
443	Hàng Rào lưới thép khu trạm bơm, nhà hóa chất (VG)	m2	187,53	
444	Tủ điện 800x600x250mm (TH)	Cái	2,00	
445	Cầu dao hộp đảo chiều 3P 200A 660V(TH)	Cái	1,00	
446	Cầu dao hộp 3p 250A 600v(TH)	Cái	1,00	
447	ống thép D150(TH)	m	13,10	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
448	ống thép D80(TH)	m	13,84	
449	ống thép D300 (TH))	m	30,85	
450	Ống thép D200 (TH)	m	13,00	
451	Máy bơm định lượng Ja Ven (TH)	Cái	2,00	
452	Adapter D630 L=200mm - Thu hồi	Cái	1,00	
453	Adapter D630 dài L=250mm - Thu hồi	Cái	1,00	
454	Măng sông HDPE D32	Cái	23,00	
455	Cút Sino cứng D32 - Việt Nam	Cái	9,00	
456	Dây Ethernet RJ45 Cat6- VN	m	0,30	
457	Dây thít L200VN	Cái	2,00	
458	Dây thít L500mm VN	túi	1,00	
459	Măng sông D25 Sino cứng	Cái	10,00	
460	Bu HDPE D150 (Thu hồi)	cái	1,00	
461	Cút hàn HDPE DN 450x90 - Thu hồi	Cái	1,00	
462	Bu HDPE 560 (TH)	Cái	1,00	
463	Cút HDPE D560 45 độ (TH)	Cái	1,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
464	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH GKM - Kent	Cái	8,00	
465	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Kent (KSM)	Cái	28,00	
466	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại George Kent (KSM) Thu hồi	Cái	2.482,00	
467	Đồng hồ GKM D15 - Thu hồi	cái	38,00	
468	Bộ dataloger 2,5G (TH)	cái	7,00	
469	Cút ren trong HDPE D25 (TH)	Cái	4,00	
470	Đầu nối gắn bích D110 - TH	cái	1,00	
471	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH GKM - Kent	Cái	1,00	
472	Đồng hồ GKM D15 - Thu hồi	cái	9,00	
473	Megomet 500-10000 V TH	cái	1,00	
474	Nút bịt HDPE D63 (Thu hồi)	Cái	1,00	
475	Bộ sạc bù acquy tự động TH	cái	1,00	
476	Module SM 1234,4AI/2AO TH	cái	1,00	
477	Máy đo độ đục HI98703 Hana TH	cái	1,00	
478	Quạt làm mát 200 x 200 TH	cái	2,00	
479	Sào cách điện 35 KV- TH	Cái	1,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
480	Sào cách điện 35KV (TH)	Cái	1,00	
481	Côn hàn HDPE D225x160 TH	cái	1,00	
482	Contactơ 110B TH (PLC điều khiển máy bơm)	cái	5,00	
483	Thiết bị dò tìm dạng cây bút Fast Aqua M40 xuất xứ Đức-TH	cái	1,00	
484	Máy đo đa chỉ tiêu và COD(Model HI 83399-02 xx Singapo)TH	cái	1,00	
485	Đầu nối gắn bích HDPE DN 50	Cái	5,00	
486	ống nhựa sun HDPE D40/30 VN	m	13,00	
487	Tê điều hàn HDPE D90 TQ (Tê điều hàn đối đầu 90)	Cái	1,00	
488	Tê thu hàn HDPE D90x50 (TQ)	Cái	6,00	
489	Tê thu hàn HDPE D90x75(TQ)	Cái	1,00	
490	Đồng hồ đo nước lạnh D15 Ken	Cái	1,00	
491	Ejector(TH)	Cái	1,00	
492	ống HDPE phi 450 (TH)	M	8,50	
493	Thiết bị Giám sát (DataLogger) - Thu hồi	Bộ	11,00	
494	ống PPR D25 (Thu hồi)	m	4,50	
495	ống HDPE D25 PN 12,5 PE80 (Thu hồi)	m	0,80	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
496	Cút ren trong HDPE D25 (Thu hồi)	cái	6,00	
497	Bộ data logger 2.5G - Thu hồi	Bộ	2,00	
498	Module cảm biến áp lực 0-10V	cái	1,00	
499	Lắc điều hòa- TH	cái	1,00	
500	Thiết bị rò tìm rò rỉ dạng cây bút hiệu F.A.S.T AQUA M40- Xuất xứ Đức	Cái	1,00	
501	Máy đo quang đa chỉ tiêu; Model HI 83300 xuất xứ Singapo (thu hồi)	Cái	1,00	
502	Bộ cảm biến cầm tay máy Aquascope 3L (thu hồi)	Bộ	1,00	
503	Măng sông HDPE DN63x63 VN	Cái	2,00	
504	Tê nhựa HDPE D32x25	Cái	34,00	
505	Tê thu HDPE D75x50 (VN)	Cái	1,00	
506	Bộ data logger 2 G - Thu hồi	Bộ	5,00	
507	Cảm biến áp suất 5 dây - Thiết bị phát xung đồng hồ Itron (Thu hồi)	Cái	2,00	
508	Cút ren trong HDPE D25 (TH)	Cái	2,00	
509	Đai khởi thủy nhựa HDPE D110/20	Bộ	1,00	
510	Đầu đo cảm ứng PH HI12963 - TH (Hồng)	Cái	2,00	
511	Đồng hồ vôn (0-500V) Thu hồi	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
512	Măng sông HDPE D50 - TH	Cái	1,00	
513	Rơ le kỹ thuật số EOCR - FDM2 (TH)	Cái	1,00	
514	Rơ le thời gian (TH)	Cái	1,00	
515	Rơ le trung gian Omron (TH)	Cái	1,00	
516	Tê nhựa HDPE D75/75 (TH)	Cái	1,00	
517	Bộ nguồn tổ ong 220V/24VDC- Thu hồi	bộ	1,00	
518	Contactơ 3P 32A - TH	Cái	2,00	
519	Thiết bị cảm biến lưu lượng nước (thu hồi)	Chiếc	1,00	
520	Nguồn mở rộng 220/24 V	Bộ	1,00	
521	Cảm biến áp suất 0-5V (Thu hồi)	Cái	2,00	
522	Máy hàn ống HDPE D25x63 - Thu hồi	Cái	1,00	
523	Thước lăn đo đường (loại cơ) - TH	Cái	1,00	
524	Màn hình HMI X2 base 7 (X2 BASE 7- F2)- Thu hồi	Cái	1,00	
525	Máy nghe FUJITECOM (Gồm máy FUJITECOM HG-10AII số 010984, tai nghe, tay bấm, hộ	Cái	1,00	
526	Thiết bị điện phân Javen (Bao gồm: Điện cực + Nguồn DC + Thùng nhựa) - TH	Bộ	1,00	
527	Quạt biến tần máy bơm P=18.5 kw, Q=135m3/h; H=50m	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
528	Quạt biến tần máy bơm P=10.5 kw, Q=85.9m ³ /h; H=20.3m	Cái	1,00	
529	Máy nghe rò rỉ FAST AQUA M40 xuất xứ Đức (TH)	Bộ	1,00	
530	Máy phát hiện rò rỉ nước Fujitecom HG-10ALL seri 010985 - TH	Bộ	1,00	
531	Máy đo đa chỉ tiêu HANNA HI83399 - TH	Bộ	1,00	
532	module nguồn mở rộng 220/12V	m	8,00	
533	Khóa chọn 3 vị trí 2NO LDHQ	Cái	1,00	
534	Biến dòng 100/5a (01 bộ = 3 cái) LD Đài Loan	Cái	1,00	
535	Đèn báo pha 220v-VN	Cái	2,00	
536	Đồng hồ Vol 0-300V	Cái	1,00	
537	Genco phi 6 bọc điện cực báo mức (VN)	m	10,00	
538	Nẹp dây nhựa 1,5cm VN	m	7,50	
539	Nút ấn đèn báo 220v LDHQ	cái	1,00	
540	Rơ le từ ACL/3a/V24DC/5W/RATED100%/AMBC40	Cái	1,00	
541	Cút ren DN65	Cái	1,00	
542	Măng sông HDPE DN63	Cái	2,00	
543	Măng sông nối cấp 50	cái	4,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
544	Module nguồn mở rộng 220/12V	cái	1,00	
545	Nối góc 90 độ PE ĐK 25	cái	2,00	
546	Nối ren ngoài HDPE D90	Cái	2,00	
547	ống HDPE DN 140 PN 10	m	0,60	
548	Rắc co D25 PPR	cái	2,00	
549	Tê thu hàn HDPE D90x75(TQ)	Cái	2,00	
550	Tê thu HDPE D63x32(VN)	Cái	2,00	
551	Bộ dataloger 2,5G (TH)	cái	9,00	
552	Ejector(TH)	Cái	2,00	
553	Màn hình Allen Bradley Panelview(Thu hồi)	Cái	1,00	
554	Rơ le kỹ thuật số - TH	Cái	1,00	
555	Van gạt PVC D200(Thu hồi)	Cái	6,00	
556	Van phao D150(TH)	Cái	1,00	
557	Đầu nối gắn bích HDPE D280 -TH	Cái	1,00	
558	ống nhựa HDPE DN25 PE 80 PN16 dây 3,0mm Độ Nhất - VN	m	3,00	
559	Aptomat MCCB 3P 50A (thu hồi)	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
560	Attomat 2P 30A chống giật điện TH	cái	2,00	
561	Bộ data logger 2.5G - Thu hồi	Bộ	3,00	
562	Contactor 3P - 50A (TH)	Cái	2,00	
563	Contactor 3P 32A - TH	Cái	1,00	
564	Cảm biến thủy tĩnh	Cái	1,00	
565	Cảm biến áp lực (TH)	Cái	2,00	
566	Dây bơm áp lực F8 hai đầu rắc co TH	m	15,00	
567	Phốt mặt đá D53 TH	cái	4,00	
568	Rơ le EOCR -DS3 30S Thu hồi	cái	1,00	
569	Thiết bị cảm biến áp suất (áp lực)-TH	Cái	2,00	
570	Đồng hồ đo điện áp Autonics MT4W	Cái	1,00	
571	Phốt mặt đá D42 - thu hồi	Cái	2,00	
572	Bộ kích điện(TH)	Cái	1,00	
573	Phốt lùn mặt đá D48 - Thu hồi	Cái	1,00	
574	Quạt CN (TH)	Cái	1,00	
575	Bu HDPE 560 (TH)	Cái	4,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
576	Cút HDPE D560 45 độ (TH)	Cái	4,00	
577	Đầu nối gắn bích HDPE D450 (TH)	Cái	2,00	
578	Bình lọc muối TH	cái	1,00	
579	Bình lọc nước Thu hồi	cái	1,00	
580	Bom Axit TH	cái	1,00	
581	Máy đo đa chỉ tiêu HI83200 (TH)	Cái	1,00	
582	Bộ cảnh báo clo rò rỉ EAGLE (gồm 1 bộ đọc tín hiệu + 1 mũi người) TH	bộ	1,00	
583	Bể thành phẩm Javen Thu hồi	cái	1,00	
584	Cút đều hàn HDPE D75	Cái	1,00	
585	Tê đều hàn HDPE D63 TQ (Tê đều hàn đối đầu 63)	Cái	1,00	
586	ống PPR D25 PN 10 Deko (dày 2.8mm)	m	15,80	
587	Côn hàn 160x60 ĐL	Cái	5,00	
588	Cút hàn D65	Cái	2,00	
589	Cút nhựa PVC D200-45 độ	Cái	1,00	
590	Van phao	Cái	1,00	
591	Van phao điện (thu hồi)	Cái	2,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
592	ống nhựa PVC 280	m	1,60	
593	ống nhựa uPVC DN 34 PN12.5(class2)	m	5,00	
594	Bom treo cáp	Cái	1,00	
595	Rỏ cò	Cái	1,00	
596	TI 200/5A	Cái	2,00	
597	Đồng hồ ampe kế 250/5A	Cái	2,00	
598	Cầu chì + Hộp cầu chì 32A VN	Bộ	2,00	
599	Nút bịt HDPE D50 (Thu hồi)	Cái	1,00	
600	Van xả khí D50 - TH	cái	2,00	
601	ống HDPE phi 450 (TH)	M	0,30	
602	Rơ le đèn máy phát TH	cái	1,00	
603	Bu HDPE 560 (TH)	Cái	1,00	
604	Màn hiển thị đồng hồ điện từ D600 TH	cái	1,00	
605	Van xả khí ARI D50 - TH (từ D500 Hà Lâm)	cái	1,00	
606	Máy đo độ đục cầm tay 2100Q (TH)	Cái	1,00	
607	Măng sông ren ngoài D21 PVC	cái	1,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
608	Măng sông ren ngoài PVC D60	Cái	1,00	
609	ống D110 PVC cáp viễn thông màu vàng	M	3,00	
610	ống nhựa gân xoắn D105/80 (VN)	m	13,00	
611	Rơ le tín hiệu báo mức Hàn Quốc	Cái	3,00	
612	Chụp lọc nước đi kèm zoăng và Ecu - ITALY	Cái	90,00	
613	Cút PVC D60-TH	cái	4,00	
614	Măng sông ren ngoài PVC D60- TH	cái	2,00	
615	Măng sông ren trong PVC D60-TH	cái	10,00	
616	ống PVC D60-TH	m	12,00	
617	Tê PVC D60-TH	cái	1,00	
618	Thân Venturi D60 VN-TH	cái	2,00	
619	Van PVC D60-TH	cái	2,00	
620	Aptomat 3P 400A-TH	Cái	1,00	
621	Bu HDPE D160 - TH	cái	1,00	
622	Cảm biến mức nước thủy tĩnh 0-6m - TH	cái	1,00	
623	Contacto 220V - 265A - TH	cái	2,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
624	Conveter Quang-TH	cái	2,00	
625	Đồng hồ Megommet 2500V Model 3121-TH	cái	1,00	
626	Mặt bích HDPE D630-TH	cái	1,00	
627	Phốt mặt đá D65 -TH	cái	2,00	
628	Rơ le kỹ thuật số EOCR FDM2 -TH	cái	1,00	
629	Máy đo độ đục Hanna HI-83749-TH	cái	1,00	
630	Thiết bị điều chỉnh chân không DENORA NXT 3000-TH	cái	1,00	
631	Bộ đổi nguồn 220V/24VDC -TH	Cái	1,00	
632	Module 4AI/2AO- TH	bộ	1,00	
633	Module 4AO - TH	Bộ	1,00	
634	Module 8AI- TH	bộ	1,00	
635	PLC S7-1200DC/DC/ Relay- TH	bộ	1,00	
636	Rơ le KTS ECOR DS3-05S- TH	cái	5,00	
637	Thiết bị đo Simens Sitrans Probe LU240, 7ML51110-1DD07-4AF3 -TH	Cái	2,00	
638	Chụp ty van nhựa HDPE D125	Cái	4,00	
639	Côn HDPE D75x50	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
640	Côn thu HDPE 63x40(VN)	Cái	1,00	
641	Côn thu HDPE D50x32 VN	Cái	5,00	
642	Măng sông HDPE D40	cái	1,00	
643	Măng sông HDPE DN63	Cái	6,00	
644	Măng sông HDPE ren trong D50	Cái	1,00	
645	Măng sông ren ngoài PPR D25x3/4 Deko	Cái	6,00	
646	Măng sông ren ngoài HDPE D25x3/4	Cái	71,00	
647	Tê đều hàn HDPE D63	Cái	2,00	
648	Tê thu hàn HDPE D75x50 TQ (tê giảm hàn đôi đầu 75/50)	Cái	3,00	
649	Tê thu HDPE D63x40 (VN)	Cái	6,00	
650	Tê thu HDPE D75x50 (VN)	Cái	2,00	
651	Chếch hàn gia công HDPE D225 - Thu hồi	Cái	1,00	
652	Cút PPR D25 - TH	Cái	1,00	
653	Cút nhựa ren trong HDPE D25 -TH	Cái	8,00	
654	Cút ren trong HDPE D25 (TH)	Cái	1,00	
655	Cút ren trong HDPE D25 x 3/4 UHM (TH)	Cái	6,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
656	Cút ren trong HDPE D25x3/4 Thái Lan TH	Cái	1,00	
657	Cút ren trong d25 PE - Thu hồi	Cái	6,00	
658	Măng sông ren ngoài HDPE D25 (TH)	Cái	4,00	
659	Măng sông ren ngoài HDPE D50 (TH)	Cái	2,00	
660	Măng sông ren ngoài HDPE D63 (TH)	Cái	4,00	
661	Măng sông ren ngoài PPR D25 - Thu hồi	Cái	2,00	
662	Măng sông ren ngoài hàn HDPE D25 thu hồi	Cái	1,00	
663	Măng sông ren ngoài hàn PE D25 (Thu hồi)	Cái	4,00	
664	Măng sông ren trong D25 - Thu hồi	Cái	3,00	
665	Măng sông ren trong HDPE hàn D25 TH	cái	3,00	
666	Mặt bích HDPE D75 - Thu hồi	Cái	3,00	
667	Nối ren ngoài nhựa PE D25 - TH	Cái	13,00	
668	Van nhựa HDPE D63 - VN	Cái	1,00	
669	Van xả khí D25 (thu hồi)	Cái	1,00	
670	ống HDPE D110 (thu hồi)	m	1,00	
671	ống HDPE D50 - TH	m	0,40	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
672	ống PPR D25 (Thu hồi)	m	0,3	
673	Bộ data logger 2.5G - Thu hồi	Bộ	21,00	
674	Cảm biến áp lực 0-10 bar - Thu hồi	Cái	16,00	
675	Cảm biến áp lực 0-10 bar, 0-10V - Thu hồi	Cái	1,00	
676	Cảm biến áp lực 0-10 bar, 4-20mA - Thu hồi	Cái	1,00	
677	Cảm biến áp lực 0-7 bar - Thu hồi	cái	1,00	
678	Cụm cảm biến áp lực kèm bộ phát sóng - Thu hồi	Bộ	1,00	
679	Mạch cảm biến giàn lạnh 18.000 BTU	Cái	2,00	
680	Vì mạch nguồn giàn lạnh 18.000 BTU - Thu hồi	Cái	2,00	
681	Vì mạch nguồn giàn lạnh 24.000 BTU - Thu hồi	Cái	1,00	
682	Vì mạch nguồn giàn nóng 18.000 BTU - Thu hồi	Cái	2,00	
683	Vì mạch nguồn giàn nóng 24.000 BTU - Thu hồi	Cái	1,00	
684	Cút HDPE hàn D225-90 độ - TH	Cái	1,00	
685	ống HDPE D150 - Thu hồi	m	1,6	
686	ống HDPE D160 PE 80 PN 12,5 (Thu hồi)	m	5,7	
687	ống HDPE D315 TH	m	2,4	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
688	ống HDPE D630 (TH)	m	0,1	
689	Thiết bị dò tìm rò rỉ dạng cây bút hiệu FAST aqua M40	Cái	01	
690	Đồng hồ ampe 500/5	Cái	2,00	
691	Đồng hồ vôn 500V	Cái	1,00	
692	Cửa đi 1 cánh KT:2,05x0,95	Bộ	1,00	
693	Aptomat 10A (LD HQ)	cái	1,00	
694	Côn thu hàn HDPE D90x63 (TQ)	Cái	1,00	
695	Côn thu nhựa HDPE D50x40	Cái	1,00	
696	Cút nhựa PPR D25 Deko	Cái	4,00	
697	Đầu bịt D90 PE	Cái	1,00	
698	Đồng hồ ampe 100/5A 96x96	Cái	1,00	
699	Măng sông ren ngoài PPR D25x3/4 Deko	Cái	7,00	
700	Nút bịt HDPE 75	Cái	10,00	
701	Nút bịt HDPE 75	Cái	2,00	
702	Nút bịt HDPE 90	Cái	4,00	
703	Rơ le 220 10 A	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
704	Tê nhựa HDPE D40 x 25	Cái	1,00	
705	TI 100/5A	Cái	1,00	
706	ống HDPE D225 (thu hồi)	m	0,30	
707	Cút ren trong HDPE D25 x 3/4 UHM (TH)	Cái	2,00	
708	Đoạn ống HDPE D225 (L=0.8m) (Thu hồi)	Đoạn	1,00	
709	Măng sông ren ngoài HDPE D63 (TH)	Cái	6,00	
710	Mặt bích HDPE D160 - TH	Cái	1,00	
711	Cút ren trong HDPE D25 (TH)	Cái	2,00	
712	ống HDPE D225 - Thu hồi	m	2,50	
713	ống nhựa HDPE D225 (Thu hồi)	cái	11,00	
714	Máy đo độ đục HACH 2100Q (TH)	Bộ	2,00	
715	Thiết bị dò tìm rò rỉ dạng cây bút hiệu Fast Model Aqua M40 (seri: 1238) - Thu h	cái	1,00	
716	Cút PPR D25	Cái	6,00	
717	Biển đồng 100/5A LD Indonesia	cái	1,00	
718	ống HDPE D225 TN10 (PE 100) dày 13.4 mm Dekko	m	0,10	
719	Contacto 3P-22A TH	cái	2,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
720	Bộ data logger 2.5G - Thu hồi	Bộ	2,00	
721	Rơ le thời gian (TH)	Cái	1,00	
722	Rơ le trung gian 8 chân (TH)	Cái	1,00	
723	Bộ sấy khí Clo (TH)	Bộ	2,00	
724	ống sun D300 (TH)	M	45,00	
725	Thiết bị dò tìm rò rỉ dạng cây bút hiệu F.A.S.T AQUA M40 xuất xứ Đức	Cái	1,00	
726	Máy quang đo đa chỉ tiêu; Model; HI 83300; xuất xứ Singapo (TH)	Cái	1,00	
727	Đồng hồ đo lưu lượng cầm tay Kartronic. Model KF200-KATFLOW 200, xuất xứ Anh	cái	1,00	
728	Cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x35 mm ² TH	m	350,00	
729	Máy biến tần 45KW	cái	1,00	
730	Giàn lạnh xe ô tô	Cái	1,00	
731	Cáp nhôm vặn xoắn 4*70mm ² VN (Thu hồi)	mét	100,00	
732	Cáp nhôm vặn xoắn 4x185mm ² (Thu hồi - Hồng)	mét	314,00	
733	Cáp nhôm AC70/11mm ² TH	m	18,00	
734	Dây nhôm AC 50 -TH	kg	100,00	
735	Dây nhôm AC70-TH	kg	1.550,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
736	Biến tần ABB ACS550 4 kW -TH	Cái	2,00	
737	Biến tần Mitsubishi FR - A840 2.2kw- TH	Cái	1,00	
738	Cáp nhôm vặn xoắn 4x50mm ² (TH)	m	40,00	
739	Thang rút 3.2m - Thu hồi	Cái	1,00	
740	Cáp nhôm vặn xoắn 4x35mm - Thu hồi	m	115,00	
741	Cửa nhôm kính đi 1 cánh KT: 2,18x1,95 (cả khung)	Bộ	6,00	
742	Cửa nhôm kính đi 1 cánh KT: 1,8x0,7	Bộ	1,00	
743	Cửa sổ nhôm kính KT: 1,35x3,95	Bộ	1,00	
744	Cửa sổ nhôm kính HT: 1,3x1,18	Bộ	2,00	
745	Khung nhôm vách kính	m ²	18,20	
746	Máy biến tần cho động cơ 18.5kW (TH)	Cái	1,00	
747	Măng sông co giãn INOX D400	cái	2,00	
748	Hộp đồng hồ sus inox D15 - TH	Cái	14,00	
749	Khởi thủy inox ốp MB D630x200 - Thu hồi	Cái	1,00	
750	Đai khắc phục sự cố ống D63	Cái	2,00	
751	Hộp đồng hồ sus inox D15 - TH	Cái	15,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
752	Đai inox giữ ống D25	Cái	4,00	
753	Cánh bơm inox D250 VN	Cái	1,00	
754	Hộp DH D15 - TH	cái	10,00	
755	Hộp đồng hồ sus inox D15 - TH	Cái	30,00	
756	Hộp đồng hồ DN15 SUS 304 KT 330x145x130 dày 0,6mm(GC)	cái	1,00	
757	Đầu đo cảm ứng pH HI 1131-TH	Cái	1,00	
758	Đầu đo cảm ứng pH HI 98190-TH	Cái	1,00	
759	Hộp bảo vệ đồng hồ D15 -thu hồi	cái	7,00	
760	Hộp bảo vệ đồng hồ nước D15 SUS 304 KT: 345x145x160x0.8mm TH	Cái	3,00	
761	Hộp đồng hồ SUS 304 (kt: 320x160x160x0,8) TH	Cái	1,00	
762	Hộp bảo vệ đồng hồ D15 -thu hồi	cái	2,00	
763	Hộp đồng hồ sus inox D15 - TH	Cái	21,00	
764	Măng sông co giãn D400(thu hồi)	Cái	1,00	
765	Côn gang D75x50 PE	Cái	21,00	
766	Côn gang D75x63 PE	Cái	79,00	
767	Côn gang D75x63 PE	Cái	6,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
768	Côn gang D90x75 PE	Cái	40,00	
769	Măng sông lắp cho ống thép EE D400	Bộ	1,00	
770	Măng sông nối nhanh gang D300 (EE300) lắp ống PE 315 VN	Bộ	1,00	
771	Măng sông nối nhanh gang cầu D250(EE D250 lắp ống PE D280) Việt Nam	Bộ	1,00	
772	Tê gang D100x50 BBB	Cái	10,00	
773	Tê gang D100x65 BBB	Cái	15,00	
774	Tê gang D125x65 BBB	Cái	17,00	
775	Tê gang D125x80 BBB	Cái	1,00	
776	Tê gang D300 BBB	Cái	1,00	
777	Tê gang D75 BBB	Cái	12,00	
778	Tê gang D75 PE	Cái	9,00	
779	Tê gang D90 BBB	Cái	7,00	
780	Tê gang D90x75 PE	Cái	38,00	
781	Côn gang cầu KK D80x65 (D90x75PE) VN	Cái	1,00	
782	Cút gang cầu 45 độ KK D300 PE	Cái	1,00	
783	Cút gang cầu KK 45 độ D250 (VN)	Cái	4,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
784	Cút gang cầu KK 90 độ D300(VN)	Cái	1,00	
785	Cút gang cầu KK 90 độ D50 VN	Cái	27,00	
786	Khởi thủy gang cầu quang inox D300x65(2.1/2") (VN)	Bộ	1,00	
787	Khởi thủy gang cầu quang inox D150x20(3/4) VN	Bộ	2,00	
788	Van 2 chiều D500 đã bảo dưỡng sửa chữa (Thu hồi CP01)	cái	1,00	
789	Đai khởi thủy gang cầu bu lông INOX 304 DN 32 x 20	Bộ	260,00	
790	Adapter D100 (thu hồi)	cái	4,00	
791	Adapter D110 - TH	Cái	1,00	
792	Adapter D160 (bu lốc gioăng D160) - Thu hồi	Cái	1,00	
793	Adapter D160 - TH	Cái	2,00	
794	Adapter D400 (Thu hồi)	cái	1,00	
795	Adapter D80- Thu hồi	Cái	3,00	
796	Adapter gang D150 - TH	Cái	1,00	
797	Adapter gang D65 (TH)	cái	8,00	
798	Măng sông gang D225 gioăng đồng - Thu hồi	Cái	2,00	
799	Măng sông gang DN400 - Thu hồi	Cái	1,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
800	Măng sông nổi nhanh gang D200 (thu hồi)	Cái	1,00	
801	Măng sông nổi nhanh gang D300 TH	Cái	1,00	
802	Măng sông nổi nhanh gang D400 - Thu hồi	Cái	1,00	
803	Măng sông nổi nhanh gang D50(thu hồi)	bộ	7,00	
804	Măng sông nổi nhanh gang D500- Thu hồi	Cái	3,00	
805	Măng sông nổi nhanh gang D63 (Thu hồi)	Cái	7,00	
806	Măng sông nổi nhanh gang D90 - Thu hồi	Cái	2,00	
807	Măng sông nổi nhanh gang cầu D50 - TH	Cái	1,00	
808	Măng sông nổi nhanh gang cầu D90 - TH	Cái	2,00	
809	Rọ bơm gang DN150 - Thu hồi	Cái	1,00	
810	Trụ cứu hỏa 2 họng - Thu hồi	Cái	1,00	
811	Trụ cứu hỏa 3 họng TQ- Thu hồi	Cái	2,00	
812	Tê gang D100 (Thu hồi)	Cái	1,00	
813	Tê lọc cặn D100 Thu hồi	Cái	1,00	
814	Van 1 chiều D100 - TH	Cái	1,00	
815	Van 1 chiều D100 BB Thu hồi	Cái	1,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
816	Van 1 chiều DN100 (Đã qua SC)	Cái	1,00	
817	Van 1 chiều DN100 MB Thái lan - Thu hồi	Cái	1,00	
818	Van 1c MB D150 - thu hồi	cái	2,00	
819	Van 1c lò xo D100 - Thu hồi	Cái	1,00	
820	Van 2 chiều BB D100 (TH)	Cái	1,00	
821	Van 2 chiều BB D100 thái lan - thu hồi	Cái	2,00	
822	Van 2 chiều BB D150 (Thu hồi)	cái	1,00	
823	Van 2 chiều BB D250 (AM) - Thu hồi	Cái	1,00	
824	Van 2 chiều BB D65 (Thu hồi)	Cái	2,00	
825	Van 2 chiều BB D65 ty chìm AVM - Thu hồi	Cái	1,00	
826	Van 2 chiều BB D80 - TH	Cái	1,00	
827	Van 2 chiều BB DN150 ty chìm Envicom PN10 - Thu hồi	Cái	1,00	
828	Van 2 chiều D150 - TH	Cái	4,00	
829	Van 2 chiều D300 (Thu hồi)	Cái	1,00	
830	Van 2 chiều D80 (thu hồi)	Cái	1,00	
831	Van 2 chiều MB D100 (Thu Hồi)	Cái	3,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
832	Van 2 chiều MB D200 (cũ)- TH	Cái	1,00	
833	Van 2 chiều MB D300 - thu hồi	Cái	1,00	
834	Van 2 chiều MB D500 - Thu hồi	cái	1,00	
835	Van 2 chiều MB D80 (thu hồi)	Cái	4,00	
836	Van 2 chiều MB DN150 AUT- Thu hồi	Cái	1,00	
837	Van 2 chiều MB DN400 AVM- Thu hồi	Cái	1,00	
838	Van 2 chiều xả cặn D200 - Thu hồi	Cái	1,00	
839	Van 2c BB D100 (Thu Hồi)	Cái	3,00	
840	Van 2c D150 Thái Lan (TH)	cái	1,00	
841	Van 2c MB D100 (TH)	Cái	3,00	
842	Van bướm 2 chiều BB D600 PN16 - Thu hồi	Cái	1,00	
843	Van bướm 2 chiều D400 TH	cái	1,00	
844	Van bướm 2 chiều DN200 - TH	Cái	2,00	
845	Van bướm BB D150 - Thu hồi	Cái	1,00	
846	Van bướm D250 - TH	cái	1,00	
847	Van bướm MB D200 AVM - thu hồi	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
848	Van cánh bướm 2c BB DN150- Thu hồi	Cái	1,00	
849	Van giảm áp D100 (TH)	cái	1,00	
850	Van xả khí D100 (TH)	Cái	1,00	
851	arapter D400 - Thu hồi	Bộ	3,00	
852	Adapter D500 (TH)	Cái	1,00	
853	Van 2 chiều BB ty chìm DN400 AVM PN10 - Thu hồi	Cái	1,00	
854	Van cánh bướm BB D500 - Thu hồi	Cái	1,00	
855	Van cổng 2 chiều D250BB - TH	Cái	1,00	
856	Van bướm BB D500 - Thu hồi	Cái	1,00	
857	Van cổng AVM DN500 - Thu hồi	Cái	1,00	
858	Van ty chìm thái lan BS5163 DN400 - Thu hồi	Cái	1,00	
859	Van ty nổi CCCP liên xô DN400 - Thu hồi	Cái	1,00	
860	Côn gang D75x50 PE	Cái	1,00	
861	Đai khởi thủy D90x20 - TH	Cái	1,00	
862	Đai khởi thủy gang 75x20 (TH)	Cái	2,00	
863	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	17,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
864	Đai khởi thủy gang D63x20 (TH)	Cái	7,00	
865	Van 2c D100 TH (không có vô lăng)	cái	1,00	
866	Van cánh bướm D200 ty chụp thu hồi	Cái	1,00	
867	Adapter D250 - TH	Cái	1,00	
868	Adapter gang D150 - TH (không có bu lông)	cái	3,00	
869	Măng sông nối nhanh gang D150 (thu hồi)	Cái	1,00	
870	Van 1 chiều D125 (TH)	Cái	1,00	
871	Cút gang D50x90 độ PE	Cái	2,00	
872	Khởi thủy gang cầu quang inox D150x33(1/1/4") lắp ống PE 160 VN	Bộ	1,00	
873	Khởi thủy gang cầu quang inox D200x80(3") VN	Bộ	1,00	
874	Khởi thủy gang cầu quang inox D300x65(2.1/2") (VN)	Bộ	1,00	
875	Khởi thủy gang cầu quang inox D300x65(2.1/2") lắp ống PE 315(VN)	Bộ	2,00	
876	Măng sông nối nhanh gang D125	bộ	1,00	
877	ống gang cầu D600 (Kèm gioăng)	m	0,50	
878	Van 2c MB ti chìm D50 hiệu SCI (Thái lan)	Cái	2,00	
879	Khớp nối nhanh DN 300 (329.9-339.4)	Chiếc	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
880	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	21,00	
881	Măng sông nối nhanh gang D63 (Thu hồi)	Cái	1,00	
882	Măng sông nối nhanh gang D110 TH	cái	1,00	
883	Đai khởi thủy DN 63 x 20 - TH	cái	12,00	
884	Đai KT D40x20 - Th	Bộ	3,00	
885	Van 2c D100 - TH	cái	1,00	
886	Đai khởi thủy D75*20 - TH	bộ	5,00	
887	Đai khởi thủy D90* 20 - TH	bộ	1,00	
888	Trụ cứu hỏa D100 - TH	Cái	3,00	
889	Tê gang D150-100 (TH)	Bộ	1,00	
890	Van 2 chiều D200- TH	cái	1,00	
891	Van 2 chiều D65- Thu hồi	cái	1,00	
892	Máy bơm áp lực DMAX-185(LD TQ) (Thu hồi)	Cái	1,00	
893	Van tiết lưu- TH	cái	1,00	
894	Bơm định lượng trục vít NETZSCH/Đức. Q=0.5m3/hH=5bar,P=0.75KW,N=218v/ph (Thu hồi	Cái	1,00	
895	Bơm ĐL trục vít:METZSCH/Đức.NM021BY01L03B.Q=500l/h,Hmx=60,P=0.75KwN=198vv/p ấnĐô	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
896	Đai khởi thủy gang 90x33	Bộ	4,00	
897	Khởi thủy gang cầu quang inox D150x20(3/4) VN	Bộ	1,00	
898	Khởi thủy gang cầu quang inox D160x65(VN)	Bộ	1,00	
899	Cút gang cầu 90 độ KK D50 PE	Cái	1,00	
900	ống gang cầu D500 (Kèm gioăng)	m	0,50	
901	Đai 50x20 TH	cái	9,00	
902	Đai khởi thủy gang 63/20 TH	Bộ	5,00	
903	Đai khởi thủy gang D40x20 (TH)	Bộ	2,00	
904	Đai khởi thủy gang D90x20 - TH	Cái	1,00	
905	Đai KT D40 TH	cái	1,00	
906	Adapter D160 - TH	Cái	1,00	
907	Adapter D75 (Thu hồi)	Cái	1,00	
908	Đai gang D110 x40 - TH	Cái	1,00	
909	Đai gang D75/20 - TH	Cái	3,00	
910	Đai khởi thủy D110-50- TH	cái	1,00	
911	Đai khởi thủy D75-20 (thu hồi)	cái	3,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
912	Đai khởi thủy D90x20 - TH	Cái	2,00	
913	Đai khởi thủy DN 63 x 20 - TH	cái	1,00	
914	Đai khởi thủy gang 75x20 (TH)	Cái	2,00	
915	Đai khởi thủy gang 90/20 - Thu hồi	Bộ	2,00	
916	Đai khởi thủy gang D110/65 (TH)	Cái	1,00	
917	Đai khởi thủy gang D32x20 (TH)	bộ	1,00	
918	Đai khởi thủy gang D40/20 (Thu hồi)	Bộ	5,00	
919	Đai khởi thủy gang D50/20 TH	Bộ	2,00	
920	Đai khởi thủy gang D50/20 -Thu hồi	Cái	4,00	
921	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	43,00	
922	Đai khởi thủy gang D63 -TH	Cái	3,00	
923	Đai khởi thủy gang D63 -TH	Cái	2,00	
924	Đai khởi thủy gang D63x20 (TH)	Cái	8,00	
925	Đai khởi thủy gang D90x20- TH	Bộ	1,00	
926	Đai KT D40x20 - Th	Bộ	3,00	
927	Măng sông gang D40 (Thu hồi)	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
928	Măng sông gang kẹp chống trôi D110 (Thu hồi)	Bộ	1,00	
929	Van 2 chiều cánh bướm D200 - TH	Cái	1,00	
930	Van 1 chiều D200 (Thu hồi)	Cái	1,00	
931	Van 2 chiều mặt bích D150 (Hồng - TH)	Cái	1,00	
932	Adapter gang D150 (Thu hồi)	Cái	1,00	
933	Cút gang cầu KK 90 độ D50 VN	Cái	1,00	
934	Đai khởi thủy gang D63x25	Cái	1,00	
935	Măng sông nối nhanh gang D250	bộ	4,00	
936	ống gang cấp D500 x 15-16 ly (Pháp)	m	0,20	
937	Adapter D75 (Thu hồi)	Cái	1,00	
938	Măng sông gioăng đồng D225 - Thu hồi	Bộ	1,00	
939	Măng sông nối nhanh D125 (TH)	Cái	1,00	
940	Măng sông nối nhanh gang D110 (Thu hồi)	Cái	1,00	
941	Van 2 chiều BB D125 TH	cái	1,00	
942	Van 2 chiều D65- Thu hồi	cái	1,00	
943	Van cổng 2 chiều D80(TH)	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
944	Van cổng BB D100(TH)	Cái	1,00	
945	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	1,00	
946	Đai khởi thủy DN 63 x 20 - TH	cái	1,00	
947	Máy bơm áp lực YAKAMA Model : YA 2200A 2.2kw 90-120 bar LDTQ Thu hồi	cái	1,00	
948	Adapter gang D300 (TH)	Cái	1,00	
949	Van 2 chiều BB DN200 - TH	Cái	1,00	
950	Măng sông nối nhanh gang D450(TH)	Bộ	2,00	
951	Adapter D125	Cái	1,00	
952	Cút gang cầu KK 90 độ D50 VN	Cái	11,00	
953	Măng sông nối nhanh gang D250 (Lắp ống PR D280)	Cái	1,00	
954	Adapter D110 - TH	Cái	2,00	
955	Adapter D150 - TH (tuyến HG07.19.00 Cao Xanh)	cái	1,00	
956	Adapter D600 PN16- TH	Cái	1,00	
957	Măng sông NN gang D63 - Thu hồi	Cái	2,00	
958	Tê gang D63 (Thu hồi)	Cái	2,00	
959	Van 1 chiều D200 (Thu hồi)	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
960	Van 1 chiều D80 (Thu hồi)	Cái	1,00	
961	Van 1c D100 (thu hồi)	Cái	1,00	
962	Van 1c D80 (thu hồi)	Cái	2,00	
963	Van 2 c D50 TH	Cái	1,00	
964	Van 2 chiều BB D150 (Thu hồi)	cái	1,00	
965	Van 2 chiều BB D50 - Thu hồi	Cái	1,00	
966	Van 2 chiều D150 - TH	Cái	1,00	
967	Van 2 chiều D200 (Thu hồi)	Cái	1,00	
968	Van 2 chiều D50 (Thu hồi)	Cái	1,00	
969	Van 2 chiều D80 (thu hồi)	Cái	2,00	
970	Van 2 chiều MB D80 (thu hồi)	Cái	1,00	
971	Van 2c D250 - Thu hồi	Cái	1,00	
972	Van 2c D65 TH	Cái	2,00	
973	Van 2c D80 - TH	cái	3,00	
974	Van công 1 chiều D150 lò xo	Cái	1,00	
975	Đai 50x20 TH	cái	3,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
976	Đai KT D40 TH	cái	1,00	
977	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	22,00	
978	Đai khởi thủy 63-20 TH	Cái	5,00	
979	Đai khởi thủy gang D40x20 (TH)	Bộ	1,00	
980	Đai khởi thủy gang D63x20 (TH)	Cái	34,00	
981	Đai khởi thủy gang D75/20 (TH)	Cái	2,00	
982	Adapter D150 - TH	Cái	10,00	
983	Adapter D160 - TH	Cái	1,00	
984	Adapter D200 (TH)	Cái	2,00	
985	Adapter D250 - TH	Cái	2,00	
986	Adapter D560x500 TH	cái	1,00	
987	Adapter D600 - TH (thau rửa HG22 Hà Tu)	cái	1,00	
988	Adapter D600 - TH (từ dốc Đèo Bụt)	cái	1,00	
989	Adapter D80- Thu hồi	Cái	1,00	
990	Adapter gang D150 - TH	Cái	1,00	
991	Adapter gang D200 (Thu hồi)	Cái	2,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
992	Adapter gang D200 (gắn cùng 0,5m ống HDPE D200) TH	Cái	1,00	
993	Măng sông nối nhanh D250 (TH)	Cái	1,00	
994	Măng sông nối nhanh gang D100 (thu hồi)	Cái	1,00	
995	Măng sông nối nhanh gang D110 (Thu hồi)	Cái	1,00	
996	Măng sông nối nhanh gang D150 TH	Cái	19,00	
997	Măng sông nối nhanh gang D160 (thu hồi)	Cái	1,00	
998	Măng sông nối nhanh gang D300 (thu hồi)	bộ	4,00	
999	Măng sông nối nhanh gang D300 TH	Cái	2,00	
1000	Măng sông nối nhanh gang D400 - Thu hồi	Cái	2,00	
1001	Van 1 chiều D125 (TH)	Cái	1,00	
1002	Van 1 chiều D200 (Thu hồi)	Cái	2,00	
1003	Van 2 chiều D100 (TH)	cái	1,00	
1004	Van 2 chiều D100 (Thu hồi) Hawle	Cái	2,00	
1005	Van 2 chiều D150 - TH	Cái	1,00	
1006	Van 2 chiều D200 máy Grandford Loong Tòng (TH)	cái	1,00	
1007	Van 2 chiều D250 (Thu hồi TA Hà Khánh)	cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1008	Van 2 chiều D250 - TH	Cái	1,00	
1009	Van 2 chiều D500 AVM PN16 (TH)	Cái	1,00	
1010	Van 2 chiều D250 máy 1 (bơm thành phố) trạm Loong Tòng (TH)	cái	1,00	
1011	Van 2C BB D500 - TH (ngõ 5 Cao Thắng)	cái	1,00	
1012	Van 2c D100 TH	cái	1,00	
1013	Van 2c D150 Thái Lan (TH)	cái	1,00	
1014	Van 2c D200 - TH	Cái	2,00	
1015	Van 2c D250 - Thu hồi	Cái	1,00	
1016	Van 2c D400 (TH)	cái	1,00	
1017	Van bướm D150 -TH	Cái	2,00	
1018	Van bướm D150 - thu hồi	Cái	1,00	
1019	Van cổng 2 chiều BB D600 -TH (gầm Cầu Trắng)	cái	1,00	
1020	Van giảm áp D80 (TH)	cái	1,00	
1021	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D50x20 (3/4") VN	Bộ	1,00	
1022	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D63x 20 (3/4" VN	Bộ	18,00	
1023	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D75x20 (3/4")VN	Bộ	3,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1024	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D90x20 (3/4") VN	Bộ	7,00	
1025	Măng sông nối nhanh gang cầu D110(EED100) VN	Bộ	1,00	
1026	ống gang cầu D600 (Kèm gioăng)	m	2,00	
1027	Côn thu gang D75x63 -TH	Cái	1,00	
1028	Đai khởi thủy D90x20 - TH	Cái	2,00	
1029	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D75x20 (3/4")VN TH	bộ	1,00	
1030	Đai khởi thủy gang D40x20 (TH)	Bộ	2,00	
1031	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	7,00	
1032	Đai khởi thủy gang D63x20 (TH)	Cái	5,00	
1033	Van 2 chiều D50 (Thu hồi)	Cái	1,00	
1034	Van 2 chiều MB D65 - Thu hồi	Cái	1,00	
1035	ống gang cầu Xi xing D400 TQ(Kèm gioăng)	m	0,52	
1036	Adapter gang cầu D225 (BE200) VN	Bộ	3,00	
1037	Adapter gang cầu D300 (BE300) (VN)	Bộ	2,00	
1038	Côn gang cầu KKK K63x40	Cái	2,00	
1039	Cút gang cầu 90 độ KK D50 PE	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1040	Đai khởi thủy INOX gang D200x50	bộ	1,00	
1041	Khởi thủy gang cầu quang inox D300x50 (2") VN	Bộ	1,00	
1042	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D40x20(3/4") VN	bộ	1	
1043	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D50x20 (3/4") VN	Bộ	17	
1044	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D63x 20 (3/4" VN	Bộ	18	
1045	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D75x20 (3/4")VN	Bộ	3	
1046	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D90x20 (3/4") VN	Bộ	7	
1047	Adapter D65 - Thu hồi	Cái	1,00	
1048	Măng sông NN gang D63 - Thu hồi	Cái	2,00	
1049	Măng sông NN kẹp chống trôi D140 - Thu hồi	Cái	1,00	
1050	Măng sông gang D280 - TH	Cái	2,00	
1051	Măng sông gang D63 (TH)	Bộ	1,00	
1052	Măng sông gang DN40 - Thu hồi	Cái	1,00	
1053	Măng sông gang NN chống trôi D160 - thu hồi	Cái	2,00	
1054	Măng sông nối nhanh gang D110 (Thu hồi)	Cái	1,00	
1055	Măng sông nối nhanh gang D75 (Thu hồi)	Bộ	2,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1056	Tê gang D63x50 - Thu hồi	Cái	1,00	
1057	Van 2 chiều BB D65 (Thu hồi)	Cái	2,00	
1058	Van 2 chiều ty nổi D300 - TH	cái	1,00	
1059	Van cánh bướm 2 chiều BB D150 nhãn hiệu AVM- Thu hồi	Cái	2,00	
1060	Đai gang D110 - Thu hồi	Cái	2,00	
1061	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	4,00	
1062	Đai khởi thủy gang D90x20- TH	Bộ	1,00	
1063	Đai khởi thủy D75*20 - TH	bộ	1,00	
1064	Đai khởi thủy gang D63x20 (TH)	Cái	12,00	
1065	Đai khởi thủy my phát D160x40 - Thu hồi	cái	1,00	
1066	Đai khởi thủy tự chế D110- Thu hồi	Bộ	1,00	
1067	Adapter D500 (TH)	Cái	1,00	
1068	Adapter D63 - thu hồi	Cái	1,00	
1069	Côn gang BB D50x40 - TH	Cái	2,00	
1070	Măng sông nối NN gang D630 - Thu hồi	Cái	1,00	
1071	Van 1 chiều BB D150 - TH	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1072	Van 1 chiều BB D50 - Thu hồi	Cái	1,00	
1073	Van 1 chiều D100 - TH	Cái	1,00	
1074	Van 1 chiều lò xo D150 - thu hồi	cái	1,00	
1075	Van 2 chiều BB D50 - Thu hồi	Cái	3,00	
1076	Van 2 chiều MB D100 (Thu Hồi)	Cái	1,00	
1077	Van 2 chiều MB DN50 SCL - Thu hồi	Cái	1,00	
1078	Van 2c D50- thu hồi	Cái	1,00	
1079	Tê gang nối gioăng D140	Cái	1,00	
1080	Trụ cứu hỏa TQ	Trụ	23,00	
1081	Côn gang D110x90 PE	Cái	2,00	
1082	Côn gang D225x160 PE	Cái	1,00	
1083	Côn gang nối PE 110x75	Cái	4,00	
1084	Cút gang D 90x90 độ PE	Cái	2,00	
1085	Cút gang D40x90 độ	Cái	1,00	
1086	Măng sông nối nhanh gang D40 (Lắp ống nhựa D40)	Bộ	7,00	
1087	Tê gang D50x40 PE	Cái	2,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1088	Tê gang D75	Cái	1,00	
1089	Tê gang D90x63 PE	Cái	4,00	
1090	Tê gang D90x90 PE	Cái	1,00	
1091	Van D50 - 1 chiều	Cái	2,00	
1092	Đai khởi thủy gang cầu Bu lông inox D63x 20 (3/4" VN)	Bộ	1,00	
1093	Đai khởi thủy gang cầu Bu lông inox 75x 20 (3/4" VN)	Bộ	12,00	
1094	Đai khởi thủy gang cầu Bu lông inox 90x 20 (3/4" VN)	Bộ	5,00	
1095	Măng sông nối nhanh gang D100	cái	1,00	
1096	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	2,00	
1097	Đai khởi thủy DN 63 x 20 - TH	cái	1,00	
1098	Đai khởi thủy gang D50/20 TH	Bộ	1,00	
1099	Côn gang BE D200x150	Cái	1,00	
1100	ống gang D200 (Thu hồi)	m	0,20	
1101	Van cổng ty nổi BB D150 (TH)	cái	1,00	
1102	Van hai chiều BB D65 (Thu hồi)	cái	1,00	
1103	Van 2 chiều BB D200 tay quay (Thu hồi)	cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1104	Adapter D200 loại thường (Thu hồi)	cái	1,00	
1105	Côn gang cầu KK D63x50(VN)	Cái	5,00	
1106	ống gang cấp D250 -10ly	m	0,50	
1107	Đai gang D75/20 - TH	Cái	2,00	
1108	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	13,00	
1109	Van 2c BB D100 (Thu Hồi)	Cái	3,00	
1110	Van 2c D200 - TH	Cái	1,00	
1111	Đai khởi thủy DN 63 x 20 - TH	cái	7,00	
1112	Đai khởi thủy gang D32x20 (TH)	bộ	1,00	
1113	Van 1 chiều BB D100 (Trung Quốc) - Thu hồi	Cái	1,00	
1114	Cút gang D200 90 độ PE - TH	Cái	1,00	
1115	Van 2 chiều BB DN200 - TH	Cái	4,00	
1116	Van 1 chiều lò xo D250	Cái	1,00	
1117	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ Trung Quốc (Thu hồi)	Cái	127,00	
1118	Đồng hồ D100 - TH	Cái	1,00	
1119	Đồng hồ DN40, Socam - Thu hồi	cái	2,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1120	Đồng hồ Zenner D65 - TH	Cái	1,00	
1121	Đồng hồ Itron D100 (TH)	Cái	1,00	
1122	Đồng hồ DN 15 trung quốc - TH	Cái	1,00	
1123	Đồng hồ DN 100- Thu hồi	Cái	1,00	
1124	Đồng hồ tuyến MC04-08 D110 loại Itron D80 cấp B mã hiệu 11OH124365 (TH)	Cái	1,00	
1125	Đồng hồ DN40- Itrol	cái	1,00	
1126	Đồng hồ mặt bích ZENNER MW 100 - TH	Cái	1,00	
1127	Đồng hồ DN80 Zenner coma SH: NR8299 TH từ tuyến UB01 08	cái	1,00	
1128	Đồng hồ DN100 Zenner coma SH: NR1014 TH từ tuyến UB09 06	cái	1,00	
1129	Đồng hồ mặt bích D80 Zener (TH)	cái	1,00	
1130	Đồng hồ Powagas D125 tuyến UB04-08 D125- Thu hồi	cái	1,00	
1131	Đồng hồ DN80 Zenner coma số hiệu: ZR094520 (chỉ số 516674m3) TH từ tuyến UB02-12	cái	1,00	
1132	Đồng hồ DN 80 Zenner coma số hiệu: 03039 (chỉ số: 529542 m3) TH từ tuyến UB04-05	cái	1,00	
1133	Đồng hồ DN80 Zenner Coma số hiệu: 093563 (chỉ số: 840211 m3) TH từ tuyến UB10-03	cái	1,00	
1134	Đồng hồ D100 Zenner coma số hiệu: NR1179 (chỉ số: 646577m3) TH từ tuyến UB01-25	cái	1,00	
1135	Đồng hồ D50 Pháp TH từ tuyến UB04-00-06 số hiệu: 9062096-00 (chỉ số: 169547m3)	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1136	Đồng hồ D80 TH từ tuyến UB10-02 Số: NR093548 (chỉ số: 717345)	cái	1,00	
1137	Đồng hồ ARAP D80 TH từ tuyến UB05-04 (chỉ số: 154922m3) số hiệu UBM 0059-094601	cái	1,00	
1138	Đồng hồ D80 TH từ tuyến UB01-09D80 (chỉ số: 219035m3) số hiệu NR 14327538	cái	1,00	
1139	Đồng hồ D100 TH từ tuyến UB01-01D100 (chỉ số: 212806m3) số hiệu 15314147	cái	1,00	
1140	Đồng hồ DN80 Sensus (TH)	cái	1,00	
1141	Đồng hồ Arap D65 (Thu hồi)	Cái	1,00	
1142	Đồng hồ Actaris D80-20 mẹ bông con (Thu hồi)	Cái	1,00	
1143	Đồng hồ DN80 Sensus	cái	1,00	
1144	Đồng hồ DN40 Itron	cái	1,00	
1145	Đồng hồ D150 Đức (Thu hồi)	cái	1,00	
1146	Máy bơm P=11KW I=24A, H=54m, Q=40m3/h TH	bộ	1,00	
1147	Máy bơm P=37KW H=66m Q=125m3/h I=75A TH	bộ	1,00	
1148	Máy bơm P=7,5KW H=50m Q=26m3/h I=14A TH	bộ	1,00	
1149	Đồng hồ Itron DN100 số đồng hồ 1100219 (Hồng-TH)	Cái	1,00	
1150	Đồng hồ Itron DN100 số đồng hồ MI-078997 (Hồng - TH)	Cái	1,00	
1151	Đồng hồ UE 01 XE DN40 socam - Thu hồi	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1152	Đồng hồ Itrol DN125 số đồng hồ 117MJ103039P (Hồng - TH)	Cái	1,00	
1153	Cánh bơm của máy bơm chìm Wilo (P=10,5kw; Q=85,9m3/h) - TH (Hồ nước thô Liên Hòa	Cái	2,00	
1154	Đồng hồ D100 - TH	Cái	9,00	
1155	Đồng hồ D125 - Trung Đức (TH)	cái	1,00	
1156	Đồng hồ D150 - Thu hồi(Đức)	cái	1,00	
1157	Đồng hồ D40 TH	Cái	2,00	
1158	Đồng hồ D50 Pháp (TH)	Cái	2,00	
1159	Đồng hồ D50(TH)	Cái	1,00	
1160	Đồng hồ D50-TH	cái	5,00	
1161	Đồng hồ D65 - Pháp- E01XG134488-1 (TH)	cái	1,00	
1162	Đồng hồ D65 -TH (tuyến HG07.00.10 Cao Xanh)	cái	1,00	
1163	Đồng hồ D65 Pháp - TH	Cái	1,00	
1164	Đồng hồ D65- TH	cái	1,00	
1165	Đồng hồ DN 50 Đức - Thu hồi	cái	2,00	
1166	Đồng hồ DN65 Đức (Thu hồi)	Cái	1,00	
1167	Đồng hồ DN80 - TH	Cái	10,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1168	Đồng hồ D50(TH)	Cái	1,00	
1169	Đồng hồ D50-TH	cái	1,00	
1170	Đồng hồ D65 -TQ Zenner -TH	cái	1,00	
1171	Đồng hồ DN65 Đức (Thu hồi)	Cái	1,00	
1172	Đồng hồ Woltex DN65 - Thu hồi	Cái	1,00	
1173	Đồng hồ Zenner D65 - TH	Cái	1,00	
1174	Hộp đồng hồ sắt D15 (TH)	Cái	2,00	
1175	Đồng hồ BB DN40 socam - Thu hồi	Cái	1,00	
1176	Đồng hồ D50 MB - TH	Cái	1,00	
1177	Đồng hồ DN 100- Thu hồi	Cái	1,00	
1178	Đồng hồ DN40 - Zenner Coma Thu Hồi	cái	2,00	
1179	Đồng hồ BB DN100 pháp - Thu hồi	Cái	1,00	
1180	Đồng hồ MB D40 - TH	Cái	1,00	
1181	Đồng hồ cơ BB D150 - thu hồi	Cái	1,00	
1182	Đồng hồ đo nước Itron D32- Thu hồi	cái	1,00	
1183	Đồng hồ Pháp D50 thu hồi	Cái	1,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1184	Đồng hồ D50 Zennercoman 07830251 (Thu hồi)	cái	1,00	
1185	Tê lọc rác BB D250 - TH	Cái	1,00	
1186	Đồng hồ DN40 - Zenner Coma Thu Hồi	cái	1,00	
1187	Đồng hồ DN40- Itrol	cái	1,00	
1188	Đồng hồ cơ ren D80- Số hiệu: NP12021196, năm SX: 2013. Hãng SX: Đức (TH)	cái	1,00	
1189	Đồng hồ cơ ren D50 Số hiệu: E01XF1344386, năm SX: 2010. Hãng SX: Pháp (TH)	cái	1,00	
1190	Đồng hồ đo nước D100 ZENNER (Thu hồi)	Cái	2,00	
1191	Đồng hồ D125 contor -metron (Thu hồi)	Cái	1,00	
1192	Van xả khí MB D50 SCI (Thái Lan)	Cái	1,00	
1193	Van bướm kẹp 2 chiều D150 hiệu AUT (TH)	Cái	1,00	
1194	Cánh bơm đồng D335	Cái	1,00	
1195	Van 1 chiều lò xo NOVO 15 PN 16	cái	109,00	
1196	Van 1 chiều đồng lò xo Miha nêm đồng PN16-DN20	Cái	737,00	
1197	Van y lọc đồng Miha DN20 PN16	cái	4,00	
1198	van đồng 2c D26	Cái	2,00	
1199	Đồng hồ đo lưu lượng nước đa tia DN15 cấp B, hiệu Teksan - Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	71,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1200	Đồng hồ đo lưu lượng nước DN15, cấp C, hiệu AiChi ToKei-VN (Thu hồi)	Cái	76,00	
1201	Đồng hồ đo nước lạnh D15 loại Delta MTR (Thu hồi)	Cái	380,00	
1202	Đồng hồ đo nước lạnh D15 loại Zenner Coma (Đức) - Thu hồi	Cái	476,00	
1203	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Arad (Thu hồi)	Cái	36,00	
1204	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Delta (Malaysia)-TH	Cái	223,00	
1205	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Maddalena	Cái	34,00	
1206	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ I tron Actaris (Indo) (Thu hồi)	Cái	1.644,00	
1207	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ AiChi (Thu hồi)	Cái	97,00	
1208	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ Cotor Việt - Đức (Thu hồi)	Cái	177,00	
1209	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại Itron - Multimag - S (thu hồi)	Cái	10.890,00	
1210	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 Teksan (Thu hồi)	Cái	891,00	
1211	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 Thái Lan (Thu hồi)	Cái	10.038,00	
1212	Đồng hồ đo nước lạnh Zenercoma D15 Thu hồi	Cái	91,00	
1213	Đồng hồ DN15 Đức - TH	Cái	348,00	
1214	Đồng hồ DN15 Delta (malaysia) -TH	Cái	45,00	
1215	Đồng hồ Teksan DN15 - TH	Cái	99,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1216	Đồng hồ Thái Lan A SAHI D15 (Thu hồi)	Cái	4.264,00	
1217	Đồng hồ Thái lan DN15-TH	Cái	96,00	
1218	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Maddalena (thu hồi)	Cái	19,00	
1219	Đồng hồ đo nước D15- Italia- TH	cái	3,00	
1220	Đồng hồ đo nước lạnh, cỡ DN 15, loại đồng hồ Powogaz Ba Lan	cái	1,00	
1221	Đồng hồ nước D15 Hàn Quốc	Cái	58,00	
1222	Đồng hồ đo nước lạnh, cỡ DN15, loại đồng hồ Powogaz Ba Lan - Thu hồi	Cái	1,00	
1223	Đồng hồ DN15 ý - Thu hồi	Cái	18,00	
1224	Đồng hồ đo nước lạnh D15 Contor Metcon (thu hồi)	cái	127,00	
1225	Đồng hồ Đức D15 (Contor Metcon:1) Thu hồi	Cái	87,00	
1226	Đồng hồ Arap D15 (TH)	Cái	15,00	
1227	Đồng hồ đo nước lạnh, cỡ DN 15, loại đồng hồ Powogaz TH	cái	2,00	
1228	Đồng hồ đo nước D15 hiệu Maddiena - ý (thu hồi)	Cái	1,00	
1229	Đồng hồ đo nước lạnh D15 loại Malai - TH	cái	3,00	
1230	Đồng hồ đo nước lạnh D15 Powogaz Metcon (thu hồi)	cái	117,00	
1231	Đồng hồ Thái Aichi VN (Thu hồi)	Bộ	5,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1232	Đồng hồ D15 Italya (Thu hồi)	Cái	3,00	
1233	Đồng hồ Powogaz DN 100 (Thu hồi)	cái	3,00	
1234	Đồng hồ DN15 Đức - TH	Cái	2,00	
1235	Đồng hồ đo lưu lượng nước DN15, cấp C, hiệu AiChi ToKei-VN (Thu hồi)	Cái	14,00	
1236	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Delta (Malaysia)-TH	Cái	1,00	
1237	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Maddalena (thu hồi)	Cái	3,00	
1238	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ AiChi (Thu hồi)	Cái	2,00	
1239	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ I tron Actaris (Indo) (Thu hồi)	Cái	10,00	
1240	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 Thái Lan (Thu hồi)	Cái	72,00	
1241	Đồng hồ Teksan DN15 - TH	Cái	7,00	
1242	Van 1 chiều D15-TH	Cái	2,00	
1243	Van 1c D20 - Thu hồi	Cái	4,00	
1244	Van 2 chiều D20 - TH	Cái	4,00	
1245	Van 2 chiều D40 - Thu hồi	Cái	5,00	
1246	Van 2 chiều D50 (Thu hồi)	Cái	16,00	
1247	Van 2c D15 - Thu hồi	Cái	3,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1248	Van bi liên hợp D20 - TH	Cái	14,00	
1249	Van góc 1 chiều D20 - TH	Cái	2,00	
1250	Van góc 1 chiều D15-TH	Cái	4,00	
1251	Van góc 2 chiều D15-TH	Cái	4,00	
1252	Van góc 2 chiều D20 - TH	cái	2,00	
1253	Van góc liên hợp D20 - TH	Cái	14,00	
1254	Van Liên hợp D15 - Thu hồi	Cái	5,00	
1255	ống dẫn khí clo TH	cái	2,00	
1256	Đồng hồ Thái Lan DN 15 TH	cái	2,00	
1257	Van bi ren đồng tay nơ DISMY PN16-DN15	Cái	2,00	
1258	Van bi tay gạt DN15- PN 16 NOVO	Cái	1,00	
1259	Đồng hồ D15 Đức-TH	Cái	1,00	
1260	Đồng hồ D15 Ý- TH	Cái	6,00	
1261	Van đồng 2 c D40 - TH	Cái	9,00	
1262	Van đồng 2 chiều D50 - TH	Cái	16,00	
1263	Van góc 1 chiều D15-TH	Cái	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1264	Van góc 2 chiều D15-TH	Cái	1,00	
1265	Van góc liên hợp D20 - TH	Cái	21,00	
1266	Van góc 1 chiều D20 - TH	Cái	1,00	
1267	Van góc 2 chiều D20 - TH	cái	1,00	
1268	Van cửa đồng DN 50 (Thu hồi)	Cái	2,00	
1269	Van 1 chiều lò xo hiệu Miha PN12-DN15	Cái	69,00	
1270	Van đồng 1c D50 SAMVA	Cái	1,00	
1271	Van 2 chiều D15 (Thu hồi)	Cái	2,00	
1272	Van 2 chiều D20 - TH	Cái	16,00	
1273	Van góc 2 chiều D20 TH	Cái	1,00	
1274	Van góc LH D15 (TH)	Cái	9,00	
1275	Van liên hợp D20- TH	cái	3,00	
1276	Đồng hồ Arap D15 (TH)	Cái	1,00	
1277	Rắc co DN15 - Thu hồi	Cái	10,00	
1278	Rắc co đồng hồ D15 (Thu hồi)	Cái	11,00	
1279	Van 1 chiều D20 -TH	Cái	10,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1280	Van bi liên hợp D20 - TH	Cái	18,00	
1281	Van cửa đồng DN 40 (Thu Hòì)	Cái	8,00	
1282	Van cửa đồng DN 50 (Thu hòì)	Cái	5,00	
1283	Van góc 1 chiều D20 - TH	Cái	4,00	
1284	Van góc 1 chiều D15-TH	Cái	1,00	
1285	Van góc 2 chiều D15-TH	Cái	2,00	
1286	Van góc 2 chiều D20 - TH	cái	3,00	
1287	Van góc liên hợp D20 - TH	Cái	12,00	
1288	Van liên hợp D20 - Thu hòì	Cái	5,00	
1289	Van ren đồng 2 chiều D40 (TH)	Cái	1,00	
1290	Đồng hồ Coma DN40 số đồng hồ 07571064 (Gồm đồng hồ và rắc co đi kèm) (Hông - TH)	Cái	1,00	
1291	Đồng hồ Coma DN40 số đồng hồ 07571065 (Gồm đồng hồ và rắc co đi kèm) (Hông - TH)	Cái	1,00	
1292	Đồng hồ Coma DN40 số đồng hồ 04751376 (Gồm đồng hồ và rắc co đi kèm) (Hông - TH)	Cái	1,00	
1293	Van đồng 1C D26	Cái	1,00	
1294	Van góc đồng có van 1c tay ABS (SĐH) DN15 MIHA	Cái	2,00	
1295	Van 2 chiều D20 - TH	Cái	2,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1296	Van 2 chiều D40 - Thu hồi	Cái	1,00	
1297	Van 2 chiều D50 (Thu hồi)	Cái	1,00	
1298	Van 2c D50 ren - Thu hồi	Cái	1,00	
1299	Van bi liên hợp có van 1 chiều tay khóa PN16 - DN20 NOVO	Cái	2,00	
1300	Van đồng 2 c D40 - TH	Cái	2,00	
1301	Van đồng 2 chiều D50 - TH	Cái	3,00	
1302	Thanh cái đồng 30x 3	Cái	1,50	
1303	ống nối đồng M95	Cái	4,00	
1304	Van 2 chiều D20 - TH	Cái	1,00	
1305	Van 2c D50 ren - Thu hồi	Cái	2,00	
1306	Van ren 2 chiều D40 TH	cái	1,00	
1307	Van ren 2 chiều D50 (TH)	cái	1,00	
1308	Van đồng 1 chiều D50 (TH)	cái	1,00	
1309	Cáp điện Cu/PVC 4x2,5mm2 TH	m	60,00	
1310	Dao cách ly 35KV TH	Bộ	1,00	
1311	Dây đồng D8 TH	m	24,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1312	Đồng hồ DN50 ren - Thu hồi	Cái	2,00	
1313	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ Cotor Việt - Đức (Thu hồi)	Cái	1,00	
1314	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 Thái Lan (Thu hồi)	Cái	9,00	
1315	Van 1 chiều D15-TH	Cái	1,00	
1316	Van 1 chiều D20 -TH	Cái	12,00	
1317	Van 2 chiều D15 (Thu hồi)	Cái	2,00	
1318	Van 2 chiều D20 - TH	Cái	12,00	
1319	Van 2 chiều đồng D50 (thu hồi)	Cái	2,00	
1320	Van bi liên hợp D20 - TH	Cái	3,00	
1321	Van đồng 2 c D40 - TH	Cái	1,00	
1322	Van góc 1 chiều D20 - TH	Cái	3,00	
1323	Van góc 1 chiều D15-TH	Cái	4,00	
1324	Van góc 2 chiều D15-TH	Cái	5,00	
1325	Van góc 2 chiều D20 - TH	cái	3,00	
1326	Van góc liên hợp D20 - TH	Cái	10,00	
1327	Đồng hồ đo nước lạnh D15 Contor Metcon (thu hồi)	cái	27,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1328	Van y lọc hiệu Miha Pn16 DN20	Cái	8,00	
1329	Van y lọc đồng Miha DN20 PN16	cái	3,00	
1330	Rắc co DN15 - Thu hồi	Cái	2,00	
1331	Rắc co đồng hồ D15 (Thu hồi)	Cái	5,00	
1332	Van 2c D32- TH	cái	6,00	
1333	Van 2c tay gạt D20	Cái	1,00	
1334	Van Liên hợp D15 - Thu hồi	Cái	7,00	
1335	Van cửa đồng Miha PN16 DN40 (Thu hồi)	Cái	1,00	
1336	Van góc 1chiều D15-TH	Cái	17,00	
1337	Van góc 2 chiều D15-TH	Cái	17,00	
1338	Van góc LH D15 (TH)	Cái	2,00	
1339	Van góc liên hợp D20 - TH	Cái	9,00	
1340	Van liên hợp D20 - Thu hồi	Cái	6,00	
1341	Van ren đồng 2 chiều D40 (TH)	Cái	2,00	
1342	Van đồng 1c D40 - TH	Cái	1,00	
1343	Van đồng 2 c D40 - TH	Cái	11,00	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1344	Van đồng 2 chiều D50 - TH	Cái	19,00	
1345	Van đồng 2c D40 TH	Cái	1,00	
1346	Đồng hồ DN 50 ren Đức - TH	Cái	2,00	
1347	Đồng hồ Đức DN40 ren - Thu hồi	Cái	1,00	
1348	Cáp điện 4x6mm - Thu hồi	m	28,00	
1349	Cáp điện Cu/XLPE -3x10+1x6mm - Thu hồi	m	22,00	
1350	Van đồng D50 (thu hồi)	Cái	11,00	
1351	Rắc co đồng hồ D26	Cái	1,00	
1352	Van đồng 2c D32 SAMVA	cái	2,00	
1353	Đồng hồ đo lưu lượng nước DN15, cấp C, hiệu AiChi ToKei-VN (Thu hồi)	Cái	2,00	
1354	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Delta (Malaysia)-TH	Cái	1,00	
1355	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ I tron Actaris (Indo) (Thu hồi)	Cái	24,00	
1356	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ AiChi (Thu hồi)	Cái	1,00	
1357	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 Teksan (Thu hồi)	Cái	16,00	
1358	Van bi liên hợp D20 - TH	Cái	1,00	
1359	Van góc liên hợp D20 - TH	Cái	4,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1360	Van góc 1 chiều D20 - TH	Cái	2,00	
1361	Van góc 2 chiều D20 - TH	cái	1,00	
1362	Đồng hồ đo nước lạnh, cỡ DN 15, loại đồng hồ Powogaz TH	cái	1,00	
1363	Đồng hồ Thái Aichi VN (Thu hồi)	Bộ	208,00	
1364	Van cửa đồng DN 50 (Thu hồi)	Cái	3,00	
1365	Van đồng 1 chiều D50 (TH)	cái	3,00	
1366	Van ren đồng D50 (TH)	cái	1,00	
1367	Van đồng 2C D50 (Thu hồi)	cái	3,00	
1368	Cáp điện trung thế 10 KV (TH)	m	11,00	
1369	Cáp tín hiệu Cu/XLPE/PVC 6 x 1.5 mm	m	10,00	
1370	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ I tron Actaris (Indo) (Thu hồi)	Cái	1,00	
1371	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ I tron Actaris (Indo) (Thu hồi)	Cái	62,00	
1372	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ AiChi (Thu hồi)	Cái	26,00	
1373	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 Thái Lan (Thu hồi)	Cái	10,00	
1374	Đồng hồ DN 50 ren Đức - TH	Cái	1,00	
1375	Van 2 chiều D20 - TH	Cái	36,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1376	Van 2c D15 - Thu hồi	Cái	7,00	
1377	Dây đồng dẫn khí Clo (hông - TH)	Cái	2,00	
1378	Xe ô tô con mazda (gồm động cơ) 14N - 1370	chiếc	1,00	
1379	Máy Poto copy Sharp-AR 5731 chạy nạp và đảo bản gốc tự động - Nhận TTTV	Cái	1,00	
1380	Máy chủ IBM sever X3500	Cái	1,00	
1381	Máy chủ IBM sever X3200	Cái	1,00	
1382	Xe ô tô Cửu Long DFA 039.36	Chiếc	1,00	
1383	Sứ đỡ thanh cái hạ thế 600V	quả	8,00	
1384	Cầu chì tự rơi 35 KV TH	Bộ	2,00	
1385	Sứ 35KW TH	quả	9,00	
1386	Tết chì D14-16	Kg	0,50	
1387	Que hàn gang G318	kg	1,40	
1388	Quả nút thông ống trơn D355(VN)	quả	1,00	
1389	Quả nút trơn D140	quả	1,00	
1390	Đá cắt D350	Viên	1,00	
1391	Đá mài cầm tay	Viên	5,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1392	Bóng đèn tích điện 100w - TH	cái	2,00	
1393	Bóng đèn tích điện 150w TH	cái	2,00	
1394	Gỗ chống	m3	0,01	
1395	Bình ắc quy 100Ah 12v - Thu hồi	Cái	1,00	
1396	Bình ắc quy 12v 85Ah - Thu hồi	cái	1,00	
1397	Tụ bù 20 KVA - TH	Cái	1,00	
1398	Bình ắc quy 100Ah 12v - Thu hồi	Cái	1,00	
1399	ắc quy 12V-100AH (TH)	Cái	1,00	
1400	Tụ bù 0,4 KV-30KVA - TH	Bộ	2,00	
1401	ắc quy 150AH (thu hồi)	cái	1,00	
1402	ắc quy 75A GS (thu hồi)	cái	1,00	
1403	Tụ bù 10KVA (TH)	cái	4,00	
1404	Nhựa đường	Kg	9,00	
1405	Sơn bi tum	Kg	8,00	
1406	Sơn bi tum LD	Kg	11,82	
1407	Cồn 90 độ,500ml,chai TQ	Chai	0,50	



STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1408	Chống sét van TH	Cái	3,00	
1409	Chống sét van 35KW TH	Bộ	5,00	
1410	Chống sét cao thế 10KV (pháp)	Quả	2,00	
1411	Cầu chì tự rơi 10 KV (thu hồi)	bộ 3 q	1,00	
1412	Chống sét van 10KV (Hòng-Thu hồi)	bộ (3	1,00	
1413	Hạt Catrion-Anh	lít	5,00	
1414	Gioăng bích D65	Cái	1,00	
1415	Phốt mặt đá D28 Đức TH	cái	1,00	
1416	Găng tay cách điện 22KV (thu hồi)	Đôi	2,00	
1417	Găng tay cách điện 35KV (TH)	Đôi	4,00	
1418	ùng cách điện 35KV (thu hồi)	Đôi	1,00	
1419	Cao su giảm chấn	Cái	6,00	
1420	Cao su giảm chấn F 12	Cái	10,00	
1421	Gioăng cao su D15	Cái	64,00	
1422	Gioăng cao su D25	Cái	2,00	
1423	Găng tay cách điện 22 KV - Thu hồi	Đôi	1,00	

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1424	Găng tay cách điện 35KV (TH)	Đôi	2,00	
1425	Sào cách điện 35 KV- TH	Cái	1,00	
1426	ủng cách điện 35KV (thu hồi)	Đôi	1,00	
1427	Găng tay cách điện 22 KV - Thu hồi	Đôi	3,00	
1428	ủng cách điện 22KV (thu hồi)	Đôi	1,00	
1429	Lốp ô tô 265/65 R17 (TH)	cái	4,00	
1430	ủng cách điện 35KV (thu hồi)	Đôi	1,00	
1431	Găng tay cách điện 22 KV - Thu hồi	Đôi	2,00	
1432	Dây cu roa A39	Cái	1,00	
1433	Cột BTLT(cột điện) (12mét) TH	cột	3,00	
1434	Nội thất đồ rời - Giai đoạn 2: Quầy bar gỗ - Tầng 7 VP Công ty	Bộ	1,00	

